

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

DƯƠNG MAI PHƯƠNG

**TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TÔN HẠI
CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC THEO PHÁP LUẬT
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH LẠNG SƠN**

Chuyên ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn thạc sỹ Luật học “*Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Lạng Sơn*” là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực. Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc. Luận văn này là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Hồ Sỹ Sơn.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả luận văn

Dương Mai Phương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC	6
1.1. Những vấn đề lý luận về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	6
1.2. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe cho người khác theo Bộ luật hình sự 1999.....	10
1.3. Khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999	
Chương 2: ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN	28
2.1. Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	28
2.2. Quyết định hình phạt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	47
Chương 3: CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI KHÁC	68
3.1. Các yêu cầu bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.....	68
3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	70
KẾT LUẬN	78
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	80

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ADPL	Áp dụng pháp luật
CHXHCN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
BCA	Bộ Công an
BLHS	Bộ luật hình sự
CYGTT	Cố ý gây thương tích
CTTT	Cấu thành tội phạm
HĐTP	Hội đồng thẩm phán
QĐHP	Quyết định hình phạt
THTT	Tiến hành tố tụng
THTP	Tình hình tội phạm
TNHS	Trách nhiệm hình sự
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước *“của Nhân dân, do Nhân dân vì Nhân dân”*, chính vì thế song song với các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội Đảng và nhà nước ta luôn chú trọng đến bảo vệ quyền con người bởi Con người là nhân tố quan trọng không thể thiếu trong xã hội, con người với bàn tay lao động và trí óc sáng tạo đã xây dựng và phát triển một xã hội ngày càng tươi đẹp. Vì thế bảo vệ con người tạo dựng một xã hội trong sạch và lành mạnh cho sự phát triển của con người là nhiệm vụ quan trọng của đất nước. Xuất phát từ tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân Hiến pháp năm 2013 tại Điều 20 quy định: *"Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm"*. Và Bộ luật hình sự năm 1999 phân các tội phạm tại Chương 12 quy định các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người.

Lạng Sơn là tỉnh miền núi thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam, có vị trí chiến lược rất quan trọng về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng. Với 253km đường biên giới với khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, lại nằm trên giao điểm của bốn quốc lộ 1A, 1B, 4A, 4B với hai cửa khẩu quốc tế, hai cửa khẩu quốc gia và 7 cặp chợ đường biên nên Lạng Sơn đã trở thành cửa ngõ quan trọng để giao thương buôn bán với Trung Quốc. Trong những năm gần đây bên cạnh những chuyển biến tích cực về kinh tế, đời sống nhân dân trong tỉnh từng bước được cải thiện thì hiện tượng tội phạm diễn ra trong tỉnh vẫn còn hết sức phức tạp. Trong các tội phạm xảy ra thì nhóm tội xâm phạm về tính mạng, sức khỏe có xu hướng gia tăng trong đó tội cố ý gây thương tích đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe con người, gây bất ổn cho xã hội, là tội phạm thường xuyên diễn ra và là mối quan tâm nhức nhối trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt tình trạng thanh thiếu niên tụ tập gây mâu thuẫn để đánh nhau, các mâu thuẫn trong tranh chấp làm ăn kinh tế, xung đột gia đình không được giải quyết tốt... đã dẫn đến việc cố ý xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây ra hậu quả rất

lớn, tỷ lệ thương tích gây ra cho người bị hại cũng rất cao, có trường hợp còn dẫn đến chết người. Tội phạm diễn ra trong phạm vi toàn tỉnh, không những ở thành phố mà còn xảy ra ở vùng nông thôn, những nơi xa xôi, hẻo lánh.

Trong thời gian qua các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Lạng Sơn với sự tố giác tội phạm về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đã tích cực đấu tranh và phát hiện, nhanh chóng khởi tố, truy tố và đưa ra xét xử nghiêm minh. Tuy nhiên thực tiễn áp dụng quy định pháp luật để xử lý đối với tội phạm này vẫn còn những vấn đề còn nhận thức khác nhau, có nhiều văn bản hướng dẫn để giải quyết các vướng mắc khi áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về một số tình tiết vẫn chưa được sự thống nhất trong nhận thức áp dụng, có những trường hợp định tội danh sai, bỏ lọt tội phạm dẫn đến vụ án bị trả hồ sơ điều tra bổ sung hoặc bị sửa, huỷ....Việc khởi tố vụ án theo yêu cầu xuất hiện nhiều vấn đề phức tạp như đối tượng phạm tội mua chuộc, đe dọa dẫn đến người bị hại không dám yêu cầu khởi tố hoặc không dám đi giám định thương tật. Tình hình trên do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Để khắc phục tình trạng này việc đầu tiên là phải nắm rõ những đặc trưng và dấu hiệu pháp lý của loại tội phạm này, từ đó chỉ ra những hạn chế, thiếu sót, đánh giá và nhận xét để tìm ra nguyên nhân khắc phục và hoàn thiện hơn nữa để từ đó có định hướng đúng đắn về đường lối xử lý nhằm đảm bảo sự công bằng và nghiêm minh của pháp luật. Vì vậy việc chọn nghiên cứu đề tài: ***“Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Lạng Sơn”*** là rất cần thiết. Đây là một đòi hỏi hết sức cấp bách bảo đảm cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm, phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam là một trong những đề tài đã được một số Cơ quan, Nhà nước, nhà luật học trong nước quan tâm nghiên cứu, tiếp cận với loại tội này ở các góc độ khác nhau: Các tác giả như TS. Phùng Thế Vắc và TS. Trần Văn Luyện có công trình bình luận khoa học BLHS năm 1999 phần các tội phạm) do Nxb. Chính trị Quốc gia xuất bản trong đó có đề cập đến tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức

khoẻ của người khác. TS. Phạm Văn Beo với Luật hình sự Việt Nam phân tích rất rõ các dấu hiệu pháp lý và hình phạt của loại tội này. TS. Đinh Văn Quế viết cuốn Bình luận khoa học BLHS (bình luận chuyên sâu) phần các tội phạm tập II, do Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2002 cũng đã đề cập rất cụ thể về loại tội này. Hoặc là một số tác giả quan tâm tới TNHS của tội phạm như Nguyễn Ngọc Hàn, Trần Văn Độ, tác giả Nguyễn Cường đã quan tâm đến lỗi cố ý, vấn đề khách thể trực tiếp; các tác giả Vũ Lập Thành, Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Quốc Hội tiến hành nghiên cứu những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS... Các công trình đã đi sâu nghiên cứu về những vấn đề lý luận, các tình tiết còn có nhận thức khác nhau của BLHS. Theo khảo sát, nghiên cứu của tác giả, thời gian gần đây, chưa có công trình nghiên cứu khoa học nào nghiên cứu về thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự bàn về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác, thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, những hạn chế, bất cập trong quá trình định tội danh và quyết định hình phạt đối với loại tội phạm này, luận văn đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác.

Để đạt được mục đích trên, luận văn tập trung:

- Phân tích những vấn đề lý luận về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác.
- Phân tích tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác theo BLHS Việt Nam năm 1999
- Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác với một số tội khác.
- Phân tích khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

- Đánh giá thực tiễn định tội danh và thực tiễn quyết định hình phạt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại tỉnh Lạng Sơn

- Đề ra các yêu cầu và giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Luận văn này lấy các quan điểm khoa học, các quy định của pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Bên cạnh đó, thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn Lạng Sơn để nghiên cứu các vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu của đề tài.

4.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đề tài được nghiên cứu dưới góc độ Luật hình sự và Tổ tụng hình sự. Các quy định của pháp luật hình sự được đề cập nghiên cứu chủ yếu là định tội danh và quyết định hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự hiện hành (Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009). Các số liệu thống kê về tình hình tội phạm CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và một số bản án về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài được tác giả luận văn thu thập từ năm 2011 đến 2015 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng và Nhà nước về pháp luật, về tội phạm và hình phạt, về đấu tranh phòng, chống tội phạm... làm cơ sở tư tưởng và phương pháp luận để nghiên cứu các vấn đề thuộc nội dung của đề tài.

Để hoàn thiện đề tài tác giả còn sử dụng trong một tổng thể các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp so sánh; phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích.... Với sự kết hợp nhuần nhuyễn phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể đó luận văn rút ra các kết luận đáng tin cậy.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được rất nhiều tác giả đề cập đến thông qua luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, những bình luận khoa học hoặc trên các bài báo hoặc tạp chí. Tuy nhiên, điểm mới trong luận văn của tác giả là đi sâu nghiên cứu những vấn đề lý luận của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thông qua việc kết hợp phân tích thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt của tội phạm này trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn từ đó đề xuất hướng khắc phục.

Luận văn là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu một cách toàn diện dưới góc độ pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, về lý luận luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo dùng trong quá trình học tập và nghiên cứu. Về thực tiễn, kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được dùng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng của những vụ án về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Chương 2: Áp dụng các quy định về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Chương 3: Các yêu cầu và giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỔN HẠI CHO SỨC KHOẺ CỦA NGƯỜI KHÁC

1.1. Những vấn đề lý luận về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1.1.1. Khái niệm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và các dấu hiệu pháp lý

Trong khoa học pháp lý hình sự, khái niệm tội phạm là một trong những vấn đề trung tâm được nghiên cứu vì vậy có rất nhiều quan điểm và định nghĩa về tội phạm khác nhau. Tuy nhiên trên cơ sở pháp lý quy định tại khoản 1, Điều 8 BLHS năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 khái niệm chung đối với tội phạm: *“Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực TNHS thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa”* [4]. Quy định về tội phạm nêu trên có thể coi là quy định có tính khoa học, thể hiện tập trung nhất quan điểm của Nhà nước ta về tội phạm. Nội hàm của khái niệm tội phạm có các dấu hiệu cơ bản làm căn cứ để phân biệt tội phạm với những hành vi không phải là tội phạm, đó là: tính nguy hiểm cho xã hội, tính có lỗi, tính trái pháp luật hình sự và tính phải chịu hình phạt.

Trên cơ sở đó tác giả đưa ra khái niệm về tội CYGTT hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác như sau: *“Tội CYGTT hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác là hành vi cố ý trái pháp luật của người có năng lực TNHS tác động đến thân thể của người khác gây thương tích hoặc tổn hại đến sức khỏe”*. Tội CYGTT hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác thực chất là hai tội được quy định trong một điều luật, tuy nhiên do hành vi và hậu quả của chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nên hai loại này được các nhà làm luật sắp xếp vào cùng một điều luật. Từ khái niệm trên có thể

thấy tội CYGTT hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác có đầy đủ các dấu hiệu cấu tội phạm, đó là:

Tính nguy hiểm cho xã hội: Được biểu hiện ở chỗ người phạm tội có hành vi cố ý tác động trái pháp luật lên thân thể của người khác, làm tổn thương một phần hay toàn bộ cơ thể của người khác dẫn đến việc người bị hại bị thương tích hoặc bị tổn hại đến sức khỏe ở một tỷ lệ nhất định.

Tính có lỗi: Lỗi đối với tội CYGTT hặc gây tổn hại sức khỏe của người khác theo quy định của BLHS là lỗi cố ý. Tức người phạm tội nhận thức rõ hành vi tác động trái pháp luật lên cơ thể người khác là hành vi có thể gây thương tích và mong muốn gây thương tích cho nạn nhân hoặc chấp nhận để cho hậu quả nạn nhân bị thương tích, bị tổn hại sức khỏe xảy ra, đây là dấu hiệu bắt buộc của loại tội phạm này.

Tính trái pháp luật hình sự: Đối với tội CYGTT hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác tính trái pháp luật thể hiện ở việc người phạm tội đã thực hiện những hành vi bị pháp luật ngăn cấm và bảo vệ tại Điều 104 BLHS.

Tính chịu hình phạt: Là dấu hiệu cơ bản của loại tội phạm, chỉ có hành vi phạm tội mới phải chịu hình phạt theo quy định của BLHS. Đối với tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, các hình phạt được quy định trong BLHS để áp dụng đối với người thực hiện tội phạm này là: cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân.

Các dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác

Việc nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý của tội phạm cụ thể đóng vai trò quan trọng giúp chúng ta phân biệt giữa tội phạm này với tội phạm khác để từ đó chúng ta mới đưa ra những kết luận chính xác về tội phạm như tội đó thuộc loại tội nào, tính chất nguy hiểm của tội đó ra sao, người thực hiện hành vi phạm tội đó có phải chịu trách nhiệm hình sự hay không, tất cả những việc đó giúp chúng ta trong việc định tội danh đúng đối với tội phạm cụ thể.

Dấu hiệu pháp lý của tội phạm được thể hiện qua 4 yếu tố cấu thành tội phạm đó là:

- Khách thể của tội phạm;

- Mặt khách quan của tội phạm;
- Chủ thể của tội phạm;
- Mặt chủ quan của tội phạm;

Do vậy, việc xác định dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm nói chung và “tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” nói riêng chính là việc xác định cụ thể 4 yếu tố nói trên.

- *Khách thể của tội phạm.*

Khách thể của tội CYGTT hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác chính là quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe của con người được pháp luật bảo hộ. Trong tội CYGTT hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác thì khách thể trực tiếp chính là sức khỏe của con người. Bởi vì con người là chủ thể của hầu hết mọi quan hệ xã hội, khi quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe của con người bị xâm phạm nó làm phá vỡ sự ổn định của các quan hệ xã hội đó.

- *Mặt khách quan của tội phạm.*

Mặt khách quan của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là mặt bên ngoài của tội phạm, bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan. [23,tr90].

Mặt khách quan của tội phạm là một trong 4 yếu tố của tội phạm. Không có mặt khách quan thì không có các yếu tố khác của tội phạm và cũng không có tội phạm nói chung cũng như không có tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng.

Dấu hiệu của mặt khách quan của tội phạm là những biểu hiện ra bên ngoài bằng giác quan mà con người có thể nhận biết được bao gồm:

- Hành vi nguy hiểm cho xã hội;
- Hậu quả nguy hiểm cho xã hội;
- Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả.

Trong mặt khách quan của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, hành vi khách quan là dấu hiệu cơ bản và quan trọng nhất. Các dấu hiệu khác thuộc mặt khách quan như: hậu quả, mối quan hệ nhân quả, công cụ phương tiện phạm tội... chỉ có ý nghĩa khi có hành vi khách quan. Hay nói cách khác không thể

truy cứu TNHS đối với người không thực hiện hành vi khách quan. Hành vi khách quan của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là những biểu hiện của con người ra bên ngoài thể giới khách quan nhưng không được ý thức kiểm soát hoặc tuy được ý thức kiểm soát nhưng không được ý chí điều khiển thì cũng không phải là hành vi khách quan của tội phạm. Hành vi khách quan của tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có thể được thực hiện thông qua hành động hoặc không hành động. Hành động phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hình thức của hành vi khách quan làm biến đổi tình trạng bình thường đối tượng tác động của tội phạm, xâm phạm đến quyền được bảo vệ về sức khỏe của con người, qua việc chủ thể của tội phạm làm một việc mà bị pháp luật cấm. Không hành động phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là hình thức của hành vi khách quan làm biến đổi tình trạng bất bình thường đối tượng tác động của tội phạm, xâm phạm quyền được bảo vệ về sức khỏe của con người, qua việc chủ thể tội phạm không làm một việc mà pháp luật yêu cầu phải làm, mặc dù có đủ điều kiện để làm.

Hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là những biểu hiện của con người ra ngoài thể giới khách quan có sự kiểm soát của ý thức và điều khiển ý chí. Đây là điều kiện cần, điều kiện đủ là hành vi đó phải có khả năng gây ra thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Những hành vi này có khả năng gây ra những thương tích nhất định hoặc làm tổn hại đến sức khỏe của con người. Những hành vi này có khả năng gây ra những thương tích nhất định hoặc làm tổn hại đến sức khỏe của con người. Những hành vi này có thể được thực hiện bằng các công cụ, phương tiện phạm tội như đâm chém, đầu độc hoặc không có công cụ, phương tiện phạm tội như đâm, đá hoặc có thể thông qua các loại súc vật như thả chó cắn. ...Đây là những hành vi hành động hoặc không hành động.

Hậu quả do hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chính là thiệt hại do hành vi khách quan gây ra cho quan hệ nhân thân, cho quyền được bảo vệ về sức khỏe của con người. Thiệt hại này được thể hiện dưới dạng thiệt hại về thể chất, hậu quả gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người

khác. Việc xác định hậu quả xảy ra trên thực tế hay không, tính chất, mức độ của hậu quả xảy ra trên thực tế có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định có đủ yếu tố CTTTP hay không, đảm bảo xét xử đúng người đúng tội và có vai trò quan trọng trong việc QĐHP.

Về mức độ thương tích phải chịu TNHS: Tỷ lệ thương tích: Là tỷ lệ mất sức lao động vĩnh viễn dựa trên kết quả của giám định pháp y, nhưng trong trường hợp cần thiết có thể dựa trên kết luận của bác sỹ điều trị khi tiếp nhận bệnh nhân, về thực tiễn, nếu tỷ lệ thương tật dưới 11% không gây cố tật thì được coi là thương tích nhẹ, chưa phải chịu TNHS. Nếu tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên là tỷ lệ cần thiết để truy cứu TNHS. Tuy nhiên, có một số trường hợp tỷ lệ thương tật không đến 11% nhưng lại thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 thì hành vi đó vẫn phải bị truy cứu TNHS.

- *Mặt chủ thể của tội phạm.*

Là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự theo luật định. Tuy nhiên, người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chỉ chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 3, khoản 4 Điều 104 Bộ luật hình sự.

- *Mặt chủ quan của tội phạm.*

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý. Có thể là lỗi cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là có thể gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng vẫn mong muốn hoặc để mặc cho hậu quả đó xảy ra. Ở đây, người phạm tội chỉ có ý thức và mong muốn hoặc để mặc cho hậu quả thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe xảy ra chứ không phải hậu quả chết người. Nếu người phạm tội ý thức được và mong muốn hay để mặc hậu quả chết người xảy ra thì người phạm tội phải bị xác định là “giết người chưa đạt”.

1.2. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác theo Bộ luật hình sự 1999

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự.

1.2. 1. Quy định của BLHS về cấu thành cơ bản và đường lối xử lý đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Tội cố ý gây thương tích có dấu hiệu bắt buộc là phải có hậu quả thương tích, là vết thương để lại trên cơ thể của con người và thương tích được tính bằng tỉ lệ mất sức lao động vĩnh viễn dựa trên kết quả của giám định pháp y, nhưng trong trường hợp cần thiết có thể dựa trên kết luận của bác sĩ điều trị khi tiếp nhận bệnh nhân. Về thực tiễn, nếu tỉ lệ thương tật dưới 11%, không gây cố tật thì được coi là thương tích nhẹ, chưa phải chịu trách nhiệm hình sự. Tỉ lệ thương tật từ 11% trở lên là tỉ lệ cần thiết để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Có một số trường hợp tỉ lệ thương tật không đến 11% nhưng vẫn xét xử về hình sự (khoản 1 Điều 104):

a. Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn có thể gây nguy hại cho nhiều người; Dùng hung khí nguy hiểm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự là trường hợp dùng vũ khí hoặc phương tiện nguy hiểm theo hướng dẫn tại các tiêu mục 2.1 và 2.2 mục 2 Phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Đó là:

- Vũ khí là một trong các loại vũ khí được quy định tại khoản 1 Điều 116/2011/UBTVQH12 ngày 30/6/2011 Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- Phương tiện nguy hiểm là công cụ, dụng cụ được chế tạo ra nhằm phục vụ cho cuộc sống của con người (trong sản xuất, trong sinh hoạt) hoặc vật mà người phạm tội chế tạo ra nhằm làm phương tiện thực hiện tội phạm hoặc vật có sẵn trong tự nhiên mà người phạm tội có được và nếu sử dụng công cụ, dụng cụ hoặc vật đó tấn công người khác thì sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe của người bị tấn công.

- + Về công cụ, dụng cụ, như búa đinh, dao phay, các loại dao sắc, nhọn..
- + Về vật mà người phạm tội chế tạo ra, như thanh sắt mài nhọn, côn gỗ..
- + Về vật có sẵn trong tự nhiên: gạch, đá, đoạn gãy cứng, chắc, thanh sắt..

b. Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân;

Tình tiết “gây cố tật nhẹ cho nạn nhân” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự đã được hướng dẫn tại điểm 1 phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn

áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự”; cụ thể là: “Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân” là hậu quả của hành vi cố ý gây thương tích cho nạn nhân để lại trạng thái bất thường, không thể chữa được cho một bộ phận cơ thể của nạn nhân với tỷ lệ thương tật dưới 11%.

Về tỷ lệ thương tật, chúng ta có thể tham khảo Bản quy định Tiêu chuẩn mất sức lao động do bệnh tật (ban hành kèm theo Thông tư của Liên Bộ Y tế - Lao động - Thương binh và Xã hội số 12-TTLB ngày 26-7-1995 Quy định về tiêu chuẩn thương tật và tiêu chuẩn bệnh tật mới.

Một số nội dung tại khoản 1 Điều 104 được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP (17/4/2003) và Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP (12/5/2006) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự”; cụ thể là “Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân là hậu quả của hành vi cố ý gây thương tích cho nạn nhân để lại trạng thái bất thường, không thể chữa được cho một bộ phận cơ thể của nạn nhân với tỷ lệ thương tật dưới 11% khi thuộc một trong các trường hợp: làm mất một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm mất chức năng một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm giảm chức năng hoạt động của một bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn nhân. Có thể lấy một số trường hợp sau đây trong Bản quy định tiêu chuẩn thương tật (ban hành kèm theo Thông tư số 12/TTLB ngày 26/7/1995 của Liên Bộ Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội “quy định về tiêu chuẩn thương tật và tiêu chuẩn bệnh tật mới”) để làm ví dụ:

+ Về trường hợp làm mất một bộ phận cơ thể của nạn nhân. Ví dụ, gây thương tích làm mất đốt ngoài (đốt 2) của ngón tay cái hoặc làm mất hai đốt ngoài (2+3) của ngón tay trỏ có tỷ lệ thương tật từ 8% đến 10% (các điểm a và b mục 5, phần IV, Chương I);

+ Về trường hợp làm mất chức năng một bộ phận cơ thể của nạn nhân. Ví dụ, gây thương tích làm cứng khớp các khớp liên đốt ngón tay giữa (III) ở tư thế bất lợi có tỷ lệ thương tật từ 7% đến 9% điểm c mục 5, phần IV, Chương I);

+ Về trường hợp làm giảm chức năng một bộ phận cơ thể của nạn nhân. Ví dụ, gây thương tích làm một mắt giảm thị lực từ 4/10 đến 5/10, mắt kia bình thường có tỷ lệ thương tật từ 8% đến 10% (mục 7, phần II, Chương VIII);

+ Về trường hợp làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn nhân. Ví dụ, gây thương tích để lại sẹo to, xấu ở vùng trán, thái dương có tỷ lệ thương tật từ 6% đến 10% (điểm b, mục 1, phần I, Chương IV).

c. Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc với nhiều người;

- Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 của BLHS được hiểu là trường hợp cố ý gây thương tích cho một người từ hai lần trở lên hoặc của hai người trở lên (có thể một lần, có thể nhiều lần đối với mỗi người) và trong các lần đó chưa có lần nào bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu xử lý hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc áp dụng tình tiết "phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người" để xét xử bị cáo theo khoản 1, khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 104 của BLHS được thực hiện theo hướng dẫn tại các điểm b, c và d tiểu mục 3.2 này.

- Chỉ áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 của BLHS để xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 104 của BLHS trong các trường hợp sau đây:

+ Cố ý gây thương tích cho một người từ hai lần trở lên mà mỗi lần tỷ lệ thương tật dưới 11%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của tất cả các lần từ 11% trở lên. Trường hợp trong các lần đó chỉ có một lần tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 11% thì bị cáo cũng chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 104 của BLHS.

+ Cố ý gây thương tích cho hai người trở lên (có thể một lần, có thể nhiều lần đối với mỗi người) mà mỗi lần tỷ lệ thương tật dưới 11%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của tất cả các lần từ 11% trở lên. Trường hợp trong các lần đó chỉ có một người một lần tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 11% thì bị cáo cũng chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 104 của BLHS.

- Chỉ áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 của BLHS để xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 104 của BLHS trong các trường hợp sau đây:

+ Cố ý gây thương tích cho một người từ hai lần trở lên mà có ít nhất hai lần tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%. Trường hợp trong các lần đó chỉ có một lần tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 31% thì bị cáo cũng chỉ bị xét xử theo khoản 2 Điều 104 của BLHS.

+ Cố ý gây thương tích cho hai người trở lên (có thể một lần, có thể nhiều lần đối với mỗi người) mà trong đó có ít nhất hai người và mỗi người một lần tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%. Trường hợp trong các lần đó chỉ có một người một lần tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 31% thì bị cáo cũng chỉ bị xét xử theo khoản 2 Điều 104 của BLHS.

- Chỉ áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 của BLHS để xét xử bị cáo theo khoản 3 Điều 104 của BLHS trong các trường hợp sau đây:

+ Cố ý gây thương tích cho một người từ hai lần trở lên mà có ít nhất hai lần tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%. Trường hợp trong các lần đó chỉ có một lần tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 61% thì bị cáo cũng chỉ bị xét xử theo khoản 3 Điều 104 của BLHS.

+ Cố ý gây thương tích cho hai người trở lên (có thể một lần, có thể nhiều lần đối với mỗi người) mà trong đó có ít nhất hai người và mỗi người một lần tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%. Trường hợp trong các lần đó chỉ có một người một lần tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 61% thì bị cáo cũng chỉ bị xét xử theo khoản 3 Điều 104 của BLHS.

d. Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

Trẻ em trong trường hợp này cần được hiểu là người chưa đủ 16 tuổi, đây là tình tiết định khung tăng nặng mới được quy định bổ sung trong BLHS, quy định này không những giúp nghiêm trị những người có hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của trẻ em, mà còn đảm bảo thực hiện các quy định của Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em ngày 20/11/1989 mà Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê chuẩn ngày 20/2/1990 về bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

Phụ nữ đang có thai là trường hợp cố ý gây ra những thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người phụ nữ đang mang thai. Việc xác định nạn nhân là phụ nữ có thai hay không, căn cứ vào những chứng cứ chứng minh là người phụ nữ đó đang mang thai như: bị can, bị cáo và mọi người đều nhìn thấy được hoặc bị cáo nghe được, biết được từ các nguồn thông tin khác nhau về người phụ nữ đó đang mang thai. Việc xác định là có thai hay không, phải có kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định; Người già yếu là người từ 60 tuổi trở lên, sinh hoạt, đi lại khó khăn... Người ốm đau là người đang bị bệnh tật có thể đang điều trị ở bệnh viện ở cơ sở y tế tư nhân hoặc ở tại nhà riêng của họ; Người không có khả năng tự vệ là người do bị khiếm khuyết về thể chất như người bị khuyết tật bẩm sinh hoặc tàn tật do tai nạn như bị tâm thần, bại liệt, mù lòa, liệt tay chân... làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi của mình. Những người không có khả năng tự vệ luôn luôn ở trong tình trạng không thể tự vệ được khi bị người khác thực hiện hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của mình [21, tr. 84].

đ. Phạm tội đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;

Ông, bà gồm ông, bà nội, ông, bà ngoại; cha, mẹ là người đã sinh ra người phạm tội; cha, mẹ nuôi là người đã nhận người phạm tội làm con nuôi được pháp luật thừa nhận. Người nuôi dưỡng là người chăm sóc, giáo dục, quản lý như vai trò của bố mẹ đẻ. Thầy, cô giáo trong trường hợp này chính là những người đã trực tiếp giảng dạy cho người phạm tội về văn hóa, chuyên môn, nghề nghiệp...

e. Phạm tội có tổ chức;

Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Sự cấu kết chặt chẽ giữa những người thực hiện tội phạm thể hiện mức độ liên kết, mức độ phân hoá vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng người.

g. Phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam, hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục;

Người bị tạm giữ là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quà tang người bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thủ, đầu thủ và đối với họ đã có quyết định tạm giữ; Người bị tạm giam là bị can, bị cáo, bị cơ quan Nhà nước có

thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp tạm giam. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người chưa thành niên phạm tội là biện pháp do Tòa án quyết định, áp dụng đối với người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội, nếu thấy không cần thiết áp dụng hình phạt với họ, nhưng do tính chất của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người đó mà cần đưa người đó vào trường giáo dưỡng. Như vậy, có thể thấy những người bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục là những người đang bị áp dụng biện pháp đặc biệt để quản lý họ, trong thời gian này những người bị tạm giữ, tạm giam cần phải tuyệt đối tuân thủ quy định pháp luật. Để xác định thời gian này cần căn cứ vào quyết định bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

h. Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê;

Gây thương tích thuê là trường hợp người phạm tội vì lợi ích vật chất từ người khác, mặc dù có thể không mâu thuẫn, thù hằn gì với nạn nhân, mà chỉ xuất phát từ lợi ích vật chất để thực hiện hành vi CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe - của người khác. [9, tr.80].

i. Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm;

Phạm tội có tính chất côn đồ là trường hợp thực hiện tội phạm cố tính hung hãn cao độ, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, gây thương tích không có nguyên do hoặc phạm tội vì lý do nhỏ nhen; đâm, đánh người đã man...[9, tr.80].

Tái phạm nguy hiểm là phạm tội trong trường hợp người phạm tội trước đây đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý nhưng chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nếu phạm tội theo quy định từ khoản 2 trở lên là tội nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội này.

k. Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

Công vụ thường được hiểu là công việc mà cơ quan, tổ chức xã hội giao cho một người thực hiện; Người thi hành công vụ là người thực hiện công việc do cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội giao cho một cách thường xuyên hoặc tạm thời có

hưởng lương hoặc không hưởng lương hoặc không hưởng lương, họ có quyền hạn nhất định khi thực hiện công vụ đó.

CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác để cản trở người thi hành công vụ là trường hợp người phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người đang thi hành công vụ để cản trở người thi hành công vụ đang thi hành nhiệm vụ do cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội giao cho vì lợi ích chung của nhà nước, xã hội như: đánh cán bộ thuế đang thu thuế làm cho họ không thu được thuế.v.v. Nếu người phạm tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người đang thi hành công vụ nhưng vì động cơ khác không phải để cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ được giao thì tùy từng trường hợp mà người phạm tội bị truy cứu TNHS.

Gây thương tích vì lý do công vụ của nạn nhân thể hiện nhiệm vụ mà nạn nhân được giao có ảnh hưởng trực tiếp đến người phạm tội nên người phạm tội đã chủ động gây thương tích cho nạn nhân. Hành vi có thể xảy ra trước hoặc sau khi nạn nhân thực thi công vụ.

Điều luật quy định tỷ lệ thương tật dưới 11%, kèm theo một trong số các điểm trên đây sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều này. Tuy nhiên, “dưới 11%” là bao nhiêu? Không có văn bản nào hướng dẫn cụ thể dưới 11% là bao nhiêu. Có hai quan điểm về vấn đề này. “Dưới 11%” được hiểu là có tỷ lệ thương tật, bao nhiêu cũng được, có thể là 1%, 2%...cũng được. Quan điểm khác cho rằng, “dưới 11%” thì cũng phải gần 11%, như 7%, 8%, 9%, 10%, kèm với một trong số các điểm từ điểm a - k khoản 1 Điều 104 thì người phạm tội mới có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Chúng tôi đồng ý với quan điểm thứ hai. Thực tiễn cũng thường làm như vậy. Như vậy, những trường hợp gây thương tích có tỷ lệ thương tật chưa đến 11% và không thuộc những trường hợp nêu trên là những trường hợp không cấu thành tội phạm. Ở đây cần phân biệt với trường hợp phạm tội chưa đạt là trường hợp ý thức chủ quan của người phạm tội muốn gây ra hậu quả thương tích lớn, nhưng do nguyên nhân ngoài ý muốn nên thương tích gây ra có tỷ lệ thương tật dưới 11%.

** Các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự của tội có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.*

Nhằm đảm bảo các nguyên tắc của luật hình sự trong quy định tội phạm và quyết định hình phạt đối với tội nói trên, ngoài khoản 1 quy định cấu thành tội phạm như đã phân tích, tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 104 BLHS năm 1999, nhà làm luật quy định ba cấu thành tội phạm tăng nặng.

Cơ sở để quy định khoản 2 của điều luật đang phân tích là những thiệt hại về sức khỏe của người bị hại được xác định về mặt lượng, đó là tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong những trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 như đã phân tích ở trên.

Tại khoản 3, tức cấu thành tăng nặng thứ hai, giữ vai trò là cơ sở để quy định cấu thành tội phạm này, đó là tỷ lệ thương tật gây ra cho người bị hại xác định được từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người, hoặc từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 như đã nêu phân tích.

Riêng đối với khoản 4, tức cấu thành tăng thứ 3 của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tình tiết tăng nặng là hậu quả gây ra cái chết cho nhiều người (tức là 2 người chở lên trong cùng hành vi phạm tội).

1.2.2. Hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo Bộ luật hình sự năm 1999

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong BLHS và do Tòa án quyết định.

- Theo quy định đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác tại Điều 104 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 gồm các loại hình phạt chính như sau: Cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn và tù chung thân

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định tại Điều 104 BLHS gồm có 4 khung:

+ Khung 1 là khung hình phạt cấu thành cơ bản có chế tài lựa chọn hình phạt cơ bản được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc hình phạt tù từ sáu tháng đến ba năm và là tội phạm ít nghiêm trọng quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS. Khi một người thực hiện hành vi mà thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội cố ý

gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS thì có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc hình phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Khi quyết định hình phạt Tòa án phải căn cứ vào các quy định về quyết định hình phạt được quy định tại chương vn Bộ luật hình sự đó là căn cứ quyết định hình phạt (Điều 45); các tình tiết giảm nhẹ TNHS (Điều 46); các tình tiết tăng nặng TNHS quy định (Điều 48); quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của điều luật (Điều 47) BLHS; tái phạm, tái phạm nguy hiểm (Điều 49); quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt (Điều 52); phạm nhiều tội (Điều 50); tổng hợp nhiều bản án (Điều 51).

+ Khung 2: gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc dưới 31% nhưng thuộc các trường hợp liệt kê tại khoản 1 Điều 104, người phạm tội có thể bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

+ Khung 3: gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60% nhưng thuộc các trường hợp liệt kê tại khoản 1 Điều 104, người phạm tội có thể bị phạt tù từ 5 năm đến 15 năm.

+ Khung 4: gây hậu quả chết nhiều người hoặc trong những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác, người phạm tội có thể bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, hoặc tù chung thân. Thực tiễn xét xử thường xem các trường hợp sau là trường hợp đặc biệt nghiêm trọng: Gây thương tích cho rất nhiều người trong đó có người bị thương tích nhẹ, có người bị cố tật nặng hoặc có tỷ lệ thương tật trên 60%; Gây thương tích nặng hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người mà mỗi người đều có tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên. Ngoài ra, tùy trường hợp cụ thể khác, xét đến tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, bị cáo cũng có thể bị áp dụng theo khoản 4 Điều 104.

Khoản 3 Điều 104 quy định gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60% nhưng thuộc các trường hợp liệt kê tại điểm a - k khoản 1 Điều 104. Thực tiễn xảy ra trường hợp người phạm tội gây ra thương tích với tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên và kèm

theo một trong những điểm từ a - k. Đây phải coi là một trong những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng để xác định là thuộc khoản 4 Điều 104. [1;Tr.95-100]

1.2.3. Phân biệt tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác với một số tội phạm khác

1.2.3.1. Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trong trường hợp dẫn đến chết người với tội giết người.

Thực tế cho thấy sự nhầm lẫn giữa các trường hợp phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dẫn đến chết người hoặc chết nhiều người với tội giết là rất nhiều. Vấn đề là ở ranh giới giữa chúng không phải lúc nào cũng dễ xác định một cách rõ ràng, do vậy về mặt lý luận cần làm rõ những điểm giống nhau và khác nhau của chúng.

Trước hết là những điểm giống nhau bởi nằm trong cùng một chương nên cả hai đều giống nhau về khách thể loại, đó là quan hệ nhân thân, đều có đối tượng tác động giống nhau, đó là con người đang sống. Ngoài ra chúng còn giống nhau về hình thức lỗi, về chủ thể thực hiện tội phạm là con người theo quy định của pháp luật hiện hành.

Sự khác nhau thể hiện trường hợp phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trong trường hợp dẫn đến chết người xâm phạm quyền được bảo vệ về sức khỏe của người khác, còn tội giết người xâm phạm quyền được bảo vệ về tính mạng của người khác. Hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dẫn đến chết người và hành vi giết người được phân biệt xâm phạm khách thể trực tiếp bằng cách phân biệt cường độ, phương tiện công cụ mà người phạm tội sử dụng, vị trí tấn công người bị hại, đặc biệt là mục đích của người phạm tội. Đối với trường hợp phạm tội cố ý gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dẫn đến chết người bởi mục đích là gây thiệt hại về sức khỏe của người khác dẫn đến chết người bởi mục đích là gây thiệt hại về sức khỏe cho người khác, nếu phương tiện, công cụ, cường độ tấn công, vị trí trên thân thể người bị tấn công gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe về nguyên tắc không thể hiện ý chí của người phạm tội là cố ý tước đoạt tính mạng người khác. Hậu quả chết người xảy ra là kết quả không mong muốn hay nói cách khác là nằm ngoài ý muốn của người phạm tội. Do vậy, khoa học luật hình sự coi lỗi trong trường hợp cố ý gây thương tích, gây

tổn hại cho sức khỏe của người khác dẫn đến chết người (khoản 3 Điều 104), dẫn đến chết nhiều người (khoản 4 Điều 104 BLHS) là trường hợp hỗn hợp lỗi, theo đó đối với hành vi là lỗi cố ý và đối với hậu quả chết người hay chết nhiều người là lỗi vô ý. Đối với tội giết người, ý chí chủ quan của người phạm tội là hướng vào tước đoạt tính mạng người khác một cách trái pháp luật và mục đích là hướng vào gây ra cái chết cho người khác.

1.2.3.2. Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác với tội giết người trong trường hợp chưa đạt.

Về điểm giống nhau của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác với tội giết người trong trường hợp chưa đạt cũng giống như phần 3.1 đã phân tích ở trên.

Để phân biệt sự khác nhau giữa tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác với tội giết người trong trường hợp chưa đạt có thể căn cứ vào mặt chủ quan, khách quan của tội phạm và yếu tố lỗi của người phạm tội. Trước tiên về mặt chủ quan, tội giết người trong trường hợp phạm tội chưa đạt mong muốn tước đi tính mạng của người khác và hậu quả chết người xảy ra nhưng hậu quả đó không xảy ra là ngoài ý muốn của họ, đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác thì chỉ muốn gây thương tích cho người khác, không nghĩ đến và cũng không mong muốn hậu quả chết người. Về các dấu hiệu khách quan, hành vi khách quan của hai tội này đều có hành vi tấn công vào con người cụ thể nhằm tước đoạt tính mạng, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người đó, những hành vi tấn công này có thể thực hiện với công cụ, phương tiện phạm tội hoặc không có công cụ, phương tiện phạm tội, hoặc có thể thông qua sức mạnh khác... Tuy nhiên mức độ tấn công, hung khí sử dụng, vị trí tấn công nhằm vào cơ thể của nạn nhân trong nhiều trường hợp phạm tội có sự lựa chọn để đạt được mục đích phạm tội của mình là giết người hay chỉ gây thương tích. Nếu hành vi tấn công mang tính quyết liệt, sử dụng hung khí nguy hiểm để tấn công vào những vùng trọng yếu trên cơ thể của nạn nhân với quyết tâm phạm tội đến cùng nhưng hậu quả chết người chưa xảy ra là do nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của người phạm tội thì trong trường hợp này định tội là thỏa đáng. Về yếu tố lỗi của người phạm tội, lỗi của người phạm tội

giết người chưa đạt chỉ là lỗi cố ý trực tiếp gây ra cái chết cho nạn nhân, người phạm tội mong muốn nạn nhân chết, nhưng nạn nhân không chết là nằm ngoài dự đoán của người phạm tội. Trong trường hợp thực hiện hành vi với lỗi cố ý gián tiếp, người phạm tội mặc dù không mong muốn nhưng chấp nhận hậu quả chết người xảy ra, nhưng hậu quả đã không xảy ra thì không thể buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm về hậu quả chết người, đây chính là điều mà họ không mong muốn và nó cũng không xảy ra trên thực tế. Do đó, để định đúng tội danh chúng ta cần phải phân biệt hai tội này qua tiêu chí cơ bản sau đây:

- Nếu lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp thì định tội giết người (chưa đạt). Đây là trường hợp người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình có thể làm nạn nhân chết mà vẫn thực hiện vì mong muốn nạn nhân chết. Sở dĩ nạn nhân không chết là do nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của người phạm tội.

- Nếu lỗi của người phạm tội không phải là lỗi cố ý trực tiếp gây ra cái chết cho nạn nhân thì định tội CYGTT.

1.3. Khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác đến khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

1.3.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1985

Cách mạng tháng Tám thành công, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, chính quyền nhân dân còn non trẻ, mới được thành lập phải đối mặt với muôn vàn khó khăn. Nhiệm vụ của cách mạng ta trong giai đoạn lịch sử này là rất quan trọng và đã được thể hiện một cách cô đọng, đầy đủ, rõ ràng trong Hiến pháp năm 1946 - bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam độc lập, có chủ quyền. Đó là: "*Bảo tồn lãnh thổ, giành độc % hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ*". Chính vì vậy, Luật hình sự nước ta trong thời kỳ này đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ chung đó, thông qua nhiệm vụ đặc thù và phương pháp đặc thù của nó là quy định tội phạm và sử dụng hình phạt để trừng trị những hành vi xâm phạm đến những lợi ích thiêng liêng đã nêu ở trên. Các đạo luật hình sự là một trong những đạo luật đầu tiên cùng với các sắc lệnh trên các lĩnh vực như trừng trị phản động, âm mưu phản động, sắc lệnh quy định về trốn tránh nghĩa vụ quân sự, sắc lệnh quy định về các tội

phạm cụ thể như tội trộm cắp... tạo cơ sở pháp lý cho việc trấn áp tội phạm bảo vệ nhà nước non trẻ.

Ngay từ những ngày đầu tiên sau khi miền Bắc hoàn toàn được giải phóng Chính phủ đã ban hành thông tư số 442-TTg ngày 19/01/1955 của Thủ tướng Chính phủ chính thức quy định tội cố ý gây thương tích. Cụ thể là, tại điểm 3 của thông tư có quy định: *"Đánh bị thương phạt tù từ 3 tháng đến 5 năm", "đánh bị thương có tổ chức hay gây thành cổ tật, hay gây chết người có thể phạt đến 20 năm"*. Quy định trên được áp dụng ở miền Bắc từ năm 1945 đến năm 1976. Thông tư đã đưa ra được ba tình tiết tăng nặng định khung hình phạt đó là *"có tổ chức", "gây thành cổ tật" hoặc "gây chết người"*. Điều này thể hiện bước tiến bộ kỹ thuật lập pháp hình sự của nước ta. Tuy nhiên, thông tư này chưa đưa ra được khái niệm *"đánh bị thương"*, cũng như chưa làm rõ được trường hợp đánh bị thương dẫn đến chết người với trường hợp chết người.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn được giải phóng, nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng nước ta là thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước, xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất phục vụ cho đại đoàn kết toàn dân, hàn gắn vết thương chiến tranh, tạo mọi điều kiện để phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh vững chắc, đấu tranh với mọi âm mưu của kẻ địch, với sự phá hoại từ nhiều phía và nhiều mặt của kẻ thù. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ban hành sắc lệnh số 03 - SL/76 ngày 15/3/1976 quy định về tội phạm và hình phạt với 7 loại tội phạm, trong đó có quy định về tội cố ý gây thương tích. Tại điểm b điều 5 sắc lệnh số 03-SL/76 quy định: *"Phạm tội cố ý gây thương tích thì bị phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm, trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù đến 20 năm"*.

Ngày 02.7.1976 Quốc hội chính thức đổi tên nước ta thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, pháp luật được áp dụng chung cho cả nước. Do vậy, để giải quyết các vụ án cố ý gây thương tích, chúng ta chủ yếu áp dụng điểm b Điều 5 sắc lệnh số 03 - SL/76 nói trên cho đến trước khi BLHS năm 1985 ra đời.

1.3.2. Giai đoạn từ năm 1985 đến năm 1999

Từ năm 1986 đất nước ta đổi mới toàn diện, đưa kinh tế và xã hội thoát khỏi khủng hoảng, xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Đối với Luật Hình sự, giai đoạn này được đánh dấu bởi việc ban hành BLHS năm 1985. Đây là

BLHS đầu tiên của Nhà nước ta và là thời điểm đánh dấu bước chuyển biến mang tính lịch sử, đánh dấu thời điểm quan trọng trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người đã được quy định tại Chương II ngay sau Chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia. Điều này, một lần nữa cho thấy sự coi trọng của Nhà nước ta đối với quyền được bảo hộ về sức khỏe của công dân. Trong BLHS 1985, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 109 bao gồm 4 khung hình phạt và trong mỗi khung thì có mức hình phạt tương ứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của từng hành vi phạm tội, trong đó, mức cao nhất của hình phạt đối với tội này là 20 năm tù.

BLHS năm 1985 là bộ luật đầu tiên của Nhà nước ta dựa trên sự kế thừa và phát triển những thành tựu của pháp luật hình sự Việt Nam đồng thời tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm lập pháp hình sự tiên tiến của các nước trên thế giới thể hiện được bản chất nhân văn, nhân đạo sâu sắc của xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở pháp lý có hiệu quả cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đây là bước ngoặt rất quan trọng trong lịch sử pháp luật hình sự nước ta. Lần đầu tiên, các chế định của phần chung pháp luật hình sự được định nghĩa một cách khái quát trong luật.

Tuy nhiên, BLHS Việt Nam năm 1985 ra đời trong điều kiện đất nước có những đặc trưng là cần bảo vệ nền kinh tế bao cấp. Vì thế từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới do Đại hội VI đề ra BLHS đã dần biểu hiện những bất cập, hạn chế. Như Điều 109 quy định về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, nhưng nhà làm luật lại đưa nhiều hành vi phạm tội với tính chất và mức độ nguy hiểm khác nhau vào trong cùng một điều luật, Điều 109 chỉ nêu tên tội danh mà không mô tả các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm, các điểm khoản quy định còn chung chung, trừu tượng, chẳng hạn như điểm a khoản 2 Điều 109 quy định *"Gây thương tích nặng hoặc gây tổn hại nặng cho sức khỏe của người khác"*, mà không giải thích rõ thế nào là thương tích nặng, tổn hại nặng... Do vậy, việc áp dụng pháp luật cho các cơ quan tố tụng gặp nhiều khó khăn.

Để hướng dẫn áp dụng điều luật này, TAND Tối cao đã có nhiều văn bản hướng dẫn như Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của HĐTP TAND TC

hướng dẫn áp dụng một số quy định phần các tội phạm của BLHS; Công văn số 03 - TATC ngày 22/10/1987 của TANDTC hướng dẫn thực hiện Điều 109 BLHS; Công văn số 311/HS ngày 04/4/1989 của TANDTC về việc xác định tỷ lệ thương tật của người bị thương tích; Nghị quyết số 01 - 89/HĐTP ngày 12/4/1989 của HĐTP TANDTC hướng dẫn việc bổ sung áp dụng một số quy định của BLHS; Công văn số 140/1998/KHXX của TANDTC về việc hướng dẫn áp dụng Điều 109 BLHS. Mặc dù vậy, nhưng do các trường hợp phạm tội có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả khác nhau, nhưng lại được quy định trong một điều luật, vì vậy, khi áp dụng hình phạt, khó thể hiện được sự phân hóa TNHS dẫn đến việc áp dụng không đồng nhất.

Để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, BLHS năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung 4 lần (tháng 12/1989, tháng 8/1991, tháng 12/1992 và tháng 5/1997). Tuy nhiên, cả 4 lần sửa đổi trên đều tập trung vào việc đảm bảo chặt chẽ hơn các quy định về định tội và hình phạt nhưng vẫn còn mang tính bộ phận trong khi thời sự trước tình hình tội phạm có chiều hướng gia tăng trong điều kiện xã hội đang chuyển đổi cơ chế vì vậy nhiều quy định của Bộ luật không còn phù hợp (trong đó có Điều 109). Điều này đặt ra nhiệm vụ xem xét để sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự một cách cơ bản, toàn diện, nhằm kịp thời thể chế hóa chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn cách mạng mới, bảo đảm hiệu quả cao của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Đó là những đòi hỏi có tính chất khách quan cho sự ra đời của BLHS năm 1999.

BLHS năm 1999 được Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1999, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2000 đã thể chế hóa những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước trong giai đoạn mới. Đặc trưng cơ bản của pháp luật hình sự trong giai đoạn này đã thể hiện trong BLHS năm 1999 là: Điều chỉnh tối đa về mặt lập pháp những chế định cơ bản, quan trọng của luật hình sự; phân hóa triệt để TNHS và hình phạt; nêu cao tinh thần nhân đạo của luật hình sự. BLHS 1999 có nhiều nội dung mới so với BLHS 1985 được thể hiện cả ở phần chung và phần các tội phạm, thể hiện rõ những điểm mới trong chính sách hình sự của Nhà nước ta nói chung, đối với xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người nói chung. BLHS 1999 đã tách tội CYGTT hoặc tổn hại cho sức khỏe của

người khác được quy định tại Điều 109 BLHS năm 1985 thành 3 tội và được quy định thành ba điều luật khác nhau:

- Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 104;

- Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái bị kích động mạnh quy định tại Điều 105.

- Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định tại Điều 106.

Bằng việc tách biệt thành ba tội khác nhau, nhà làm luật đã xây dựng chính xác các cấu thành tội phạm cơ bản, bổ sung các tình tiết định khung hình phạt phân định rõ TNHS và xác định chính xác mức hình phạt tương ứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho từng hành vi. Ngoài ra, BLHS năm 1999 còn bổ sung một số tình tiết tăng nặng định khung hình phạt tại Điều 104 như sau:

- Đối với trẻ em hoặc người chưa thành niên (Điểm d khoản 1 Điều 104).
- Đối với ông, bà, cha, mẹ, cô giáo của mình (Điểm đ khoản 1 Điều 104).
- Thuê người khác phạm tội hoặc phạm tội thuê (Điểm h khoản 1 Điều 104).
- Đối với những người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân (Điểm k khoản 1 Điều 104).

Về hình phạt của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác: Tại Điều 109 BLHS năm 1985 hình phạt tối đa đến 20 năm, thì nay, trong BLHS năm 1999 đã tăng lên mức tù chung thân.

Kết luận chương 1

Tội CYGTT hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác là hành vi trái pháp luật của người có năng lực TNHS tác động đến thân thể của người khác gây thương tích theo luật định.

Trong Chương 1, trên cơ sở nghiên cứu về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và các văn bản hiện hành tác giả đã phân tích và làm rõ khái niệm và dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích; từ đó đi phân biệt dấu hiệu pháp lý của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trường hợp dẫn đến chết người với tội giết người, phân biệt dấu hiệu pháp

lý của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trường hợp dẫn đến chết người với tội giết người trong trường hợp tội phạm chưa đạt. Để hiểu rõ hơn về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tác giả đã tìm hiểu và phân tích khái quát các quy định tội này theo các giai đoạn lịch sử hình thành, qua đó thấy được sự phát triển, hoàn thiện trong hoạt động lập pháp của các nhà làm luật Việt Nam.

Những kết luận trong chương 1 sẽ làm căn cứ lý luận để giải quyết các vấn đề nghiên cứu của chương 2 và chương 3 của luận văn.

Chương 2

ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHOẺ CỦA NGƯỜI KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN

2.1. Định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

2.1.1. Cơ sở lý luận và pháp luật của định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

2.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của định tội danh

- Khái niệm

Định tội danh là vấn đề rất quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt một cách công minh, chính xác, đồng thời làm cơ sở cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xác định thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vậy thì, định tội danh là gì? Hiện nay, có khá nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm định tội danh. Tuy nhiên, theo Giáo sư Võ Khánh Vinh thì “*Định tội danh là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi tội phạm cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự*” [30; Tr9 - 10]. Định tội danh đúng là kết quả của quá trình hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng và tạo tiền đề đảm bảo cho việc quyết định hình phạt đúng đắn.

Định tội danh là một trong những biện pháp đưa các quy định của BLHS vào đời sống xã hội, góp phần có hiệu quả vào quá trình đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, qua đó góp phần thực hiện chính sách, đường lối hình sự của Đảng và nhà nước. Định tội danh là việc xác định về mặt pháp lý hình sự phù hợp giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được thực hiện trong thực tế khách quan với các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm tương ứng được quy định cụ thể trong BLHS. Nói cách khác, định tội danh là việc xác định một hành vi cụ thể đã được đáp ứng đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm của một tội nào đó trong số các tội được quy định trong BLHS.

về phương pháp định tội danh: Chủ yếu sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, quy nạp, diễn dịch và phương pháp loại trừ.

- *Đặc điểm của định tội danh*

Thứ nhất, định tội danh là một quá trình nhận thức có tính logic giữa thực tiễn và lý luận. Thể hiện ở hai khía cạnh: Đó là xác định hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện có phù hợp với cấu thành tội phạm cụ thể trong BLHS và đưa ra sự đánh giá nhất định về mặt pháp lý hình sự đối với hành vi đã thực hiện trong thực tế.

Thứ hai, quá trình hoạt động định tội danh phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy phạm pháp luật của BLHS (Luật nội dung) cũng coi như các quy phạm pháp luật của BLTTHS (Luật hình thức).

Thứ ba, định tội danh là một dạng của hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng (Gồm: Cơ quan điều tra, Tòa án, Viện kiểm sát) để cụ thể hóa các quy phạm pháp luật hình sự vào trong thực tế đời sống xã hội. Trên cơ sở xác định đúng đắn và đầy đủ các tình tiết của hành vi phạm tội đã thực hiện và sự nhận thức đúng đắn và đầy đủ nội dung của các quy phạm pháp luật hình sự.

Thứ tư, định tội danh với tính chất là một dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự được tiến hành theo ba bước như sau:

Bước 1: Xác định đúng, khách quan các tình tiết thực tế của vụ án;

Bước 2: Nhận thức một cách thống nhất và chính xác nội dung các quy phạm pháp luật hình sự phản ánh các dấu hiệu cấu thành tội phạm về tội danh có hướng lựa chọn.

Bước 3: Lựa chọn đúng quy phạm pháp luật hình sự tương ứng để đối chiếu đầy đủ, chính xác các dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định trong quy phạm pháp luật của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với các tình tiết hành vi vi phạm cụ thể được thực hiện trên thực tế, trên cơ sở này đưa ra kết luận đúng đắn, có cơ sở, có căn cứ về sự đồng nhất giữa hành vi đã thực hiện với cấu thành tội phạm đã được quy định. Kết luận đó phải được thể hiện dưới dạng văn bản áp dụng pháp luật.

Bước 4: Ra văn bản áp dụng pháp luật đó là bản án và các quyết định có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục về ba bước trên.

- *Ý nghĩa của hoạt động định tội danh*

Hoạt động định tội danh của các chủ thể có thể theo 2 xu hướng: Định tội danh đúng và định tội danh sai.

+ Định tội danh đúng là tiền đề là cơ sở cho việc phân hóa TNHS và cá thể hóa hình phạt một cách công minh có căn cứ pháp luật. Định tội danh đúng sẽ hỗ trợ cho việc thực hiện các nguyên tắc tiến bộ được thừa nhận trong Nhà nước pháp quyền như: nguyên tắc pháp chế, trách nhiệm do lỗi, trách nhiệm cá nhân, bình đẳng trước pháp luật hình sự; nguyên tắc nhân đạo, công bằng. Định tội danh đúng là một trong những cơ sở để áp dụng chính xác các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự về tạm giữ, tạm giam, về thẩm quyền điều tra, xét xử qua đó góp phần hữu hiệu cho việc bảo vệ các quyền và tự do dân chủ của công dân trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

+ Định tội danh sai dẫn đến các hậu quả tiêu cực như không đảm bảo được tính công minh, tính có căn cứ pháp luật, truy cứu TNHS người vô tội, bỏ lọt người phạm tội, xâm phạm danh dự nhân phẩm, các quyền tự do dân chủ của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Định tội danh sai làm giảm uy tín của cơ quan tư pháp, vi phạm pháp chế XHCN, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Những vụ việc oan sai chủ yếu bắt nguồn từ việc vi phạm các nguyên tắc pháp luật hình sự, đánh giá chứng cứ phiến diện, suy diễn chủ quan, thiếu thận trọng, nôn nóng trong khởi tố, truy tố, bắt tạm giam.

2.1.1.2 Cơ sở pháp lý của định tội danh

Có rất nhiều văn bản được sử dụng trong hoạt động định tội danh như: BLHS, quy phạm pháp luật hình sự, Luật giao thông đường bộ, luật phòng chống ma túy, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của UBTVQH, Nghị quyết của HĐTP TANDTC, Thông tư liên ngành của TANDTC, VKSNDTC, Bộ công an, Bộ Tư pháp, công văn của ngành Tòa án của 3 cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, trong số các văn bản trên, BLHS có vai trò rất quan trọng đối với định tội danh, là cơ sở pháp lý trực tiếp cho toàn bộ quá trình định tội danh. Các văn bản pháp luật còn lại chỉ với tính chất là cơ sở pháp lý bổ trợ (gián tiếp) cho quá trình này, bởi:

Thứ nhất: Nhà làm luật khi xây dựng các quy phạm pháp luật hình sự (nghĩa là thực hiện chức năng tội phạm hóa) đã tìm xem các dấu hiệu nào là đặc trưng cơ bản

nhất, phổ biến nhất và hay được lặp lại nhiều nhất trong những hành vi ấy, sau đó mới pháp điển hóa vào trong BLHS với tính chất là các dấu hiệu trong CTTP.

Thứ hai: Điều luật về tội phạm cụ thể trong BLHS chứa đựng đầy đủ các dấu hiệu đặc trưng, điển hình bắt buộc không thể thiếu được của một loại CTTP. Tất cả các dấu hiệu đó tập hợp thành một hệ thống liên quan chặt chẽ với nhau trở thành khuôn mẫu pháp lý (mô hình tội phạm), làm cơ sở cho người định tội danh so sánh, đối chiếu với hành vi phạm tội đã xảy ra.

Thứ ba: BLHS liệt kê tất cả các hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được quy định tại Điều 2 BLHS: "*Chỉ người nào phạm một tội đã được quy định trong BLHS mới phải chịu TNHS*". Quy định này loại trừ khả năng cho phép bất kỳ một cơ quan, một tổ chức, một cá nhân nào có sự thay đổi theo hướng mở rộng hay thu hẹp quy hình CTTP đã được quy định trong BLHS. Mà thẩm quyền này chỉ do một cơ quan duy nhất là Quốc hội thể hiện trong BLHS.

Thứ tư: Các văn bản pháp luật khác chứa đựng các quy phạm pháp luật về nội dung chỉ là sự tiếp tục, cụ thể hóa các quy phạm đã được quy định trong BLHS là mô hình CTTP.

Các quy phạm pháp luật trong BLHS được chia làm 2 nhóm căn cứ vào nội dung và tính chất của chúng, đó là các quy phạm pháp luật thuộc phần chung và các quy phạm pháp luật thuộc phần các tội phạm cụ thể. Hai nhóm quy phạm pháp luật này có mối liên quan hữu cơ, thống nhất với nhau trong quá trình định tội danh và quyết định hình phạt. Để áp dụng được các quy phạm pháp luật phần riêng phải dựa vào các quy phạm pháp luật phần chung và ngược lại các quy phạm pháp luật phần chung nếu không có các quy phạm pháp luật phần riêng thì chúng hoàn toàn không có ý nghĩa. Chính vì vậy mà các dấu hiệu trong mỗi CTTP được quy định trong cả phần chung và phần riêng.

Đối với các quy phạm pháp luật phần chung được chia thành các nhóm sau:

+ Những quy phạm quy định về chế định: như chế định đồng phạm, chế định phòng vệ chính đáng, chế định về các giai đoạn thực hiện tội phạm, chế định lỗi...

+ Những quy phạm quy định khái niệm: như khái niệm tội phạm (Điều 8 BLHS), khái niệm hình phạt (Điều 26 BLHS).

+ Những quy phạm quy định về nguyên tắc: Như Điều 3 quy định về nguyên tắc xử lý.

+ Những quy phạm quy định về điều kiện: như điều kiện áp dụng các loại hình phạt.

Đối với các quy phạm phân các tội phạm cụ thể được chia thành 2 nhóm:

+ Những quy phạm quy định về từng tội phạm cụ thể và hình phạt áp dụng đối với từng tội phạm đó.

+ Những quy phạm quy định về khái niệm: như khái niệm tội phạm chức vụ, khái niệm các tội xâm phạm hoạt động tư pháp.

Như trên đã trình bày các dấu hiệu trong mỗi CTTP được quy định cả ở phần chung lẫn ở phần các tội phạm cụ thể, bởi vậy nó là căn cứ pháp lý của định tội danh, về nội dung của CTTP là các yếu tố cần và đủ cho việc định tội, nó là các dấu hiệu điển hình.

Đối với các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự tại tỉnh Lạng Sơn, thực tiễn đó cũng không phải là ngoại lệ. Các phần tiếp theo trong chương này của luận văn sẽ làm sáng tỏ thực tiễn này.

2.1.2. Thực tiễn định tội danh tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Bảng 2.1: Phân tích tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn từ năm 2011 đến năm 2015

stt	Nhóm tội	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
01	Xâm phạm sở hữu	178	320	199	322	199	261	207	396	200	271
02	Xâm phạm tính mạng sức khỏe, danh dự, nhân phẩm	109	183	128	228	210	362	127	259	134	244
03	Xâm phạm an toàn công cộng, TTXH	103	260	129	395	137	406	93	465	214	512

04	Tội phạm về ma túy	208	313	282	373	278	450	226	400	201	312
05	Các tội phạm khác	126	204	97	151	109	178	79	179	77	187
Tổng cộng		724	1.282	827	1.469	924	1.657	732	1.672	826	1.526

(Nguồn: Phòng thống kê và Công nghệ thông tin VKSND tỉnh Lạng Sơn)

Qua bảng phân tích tại biểu mẫu trên, chúng ta có thể nhận thấy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn từ năm 2011 đến năm 2015 như sau: Nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm trong 5 năm là 708 vụ/ 1.276 bị can, chiếm tỷ lệ 17,55% vụ/ 16,77% bị can.

Theo đề tài của luận văn tác giả sẽ đi vào nghiên cứu sâu hơn về cơ cấu tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn từ năm 2011 đến năm 2015.

Bảng 2.2: Phân tích tình hình tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong nhóm tội xâm phạm tính mạng sức khỏe danh dự nhân phẩm trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

STT	Tội phạm	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
01	Tội giết người (Điều 93)	8	9	10	10	16	19	6	10	19	21
02	Tội vô ý làm chết người (Điều 98)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
03	Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 104)	101	174	118	218	194	343	121	249	115	223
04	Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 105)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

05	Các tội phạm khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng Cộng		109	183	128	228	210	362	127	259	134	244

(Nguồn: Phòng thống kê và Công nghệ thông tin VKSND tỉnh Lạng Sơn)

Qua bảng số liệu trên ta thấy rằng tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chiếm tỷ lệ 91,9% số vụ, 94,5% số bị cáo so với nhóm tội xâm phạm tính mạng sức khỏe, danh dự, nhân phẩm.

Bảng 2.3: Phân tích cơ cấu tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác so với tổng số án đã thụ lý của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn

Năm	Tổng hợp tội phạm		Tội CYGTT		Tỷ lệ %	
	Số vụ	Số BC	Số vụ	Số BC	Số vụ	Số BC
2011	724	1.282	101	183	13,95%	14,27%
2012	827	1.469	118	228	14,26%	15,52%
2013	924	1.657	194	343	20,99%	20,70%
2014	732	1.672	121	249	16,73%	14,89%
2015	826	1.526	115	223	13,92%	14,61%
Tổng số	4.033	7.606	649	1.226	16,09%	16,11%

(Nguồn: Phòng thống kê và Công nghệ thông tin VKSND tỉnh Lạng Sơn)

Bảng phân tích số liệu trên cho ta thấy tình hình tội phạm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác xảy ra trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trong 5 năm từ năm 2011 đến năm 2015 là đáng lo ngại. Tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác chiếm tỷ lệ 16% trong tổng số các tội phạm xảy ra trên địa bàn. Tình trạng này đáng báo động về việc sử dụng bạo lực một cách nguy hiểm, luôn đe dọa tính mạng của con người.

2.1.2.1. Thực tiễn định tội danh cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo cấu thành tội phạm cơ bản

2.1.2.1.1. Thực tiễn định tội danh đúng

- Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tình tiết định tội trong trường hợp tỷ lệ thương tật dưới 11%

+ Trường hợp người phạm tội dùng hung khí nguy hiểm:

Trên thực tế người phạm tội "dùng hung khí nguy hiểm" để thực hiện hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác rất phổ biến ở địa phương. Trường hợp này được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS, hung khí mà người phạm tội thường sử dụng là các loại dao, gậy, gạch, đá, tuýp sắt... khi áp dụng tình tiết này trong xét xử, ngoài việc căn cứ vào các quy định của BLHS, Tòa án cũng còn áp dụng hướng dẫn của Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TANDTC.

Khi áp dụng tình tiết này, do luật hình sự Việt Nam lại không quy định rõ ràng tỉ lệ thương tật ở mức tối thiểu là bao nhiêu phần trăm thì truy cứu TNHS, có nghĩa là nếu tỉ lệ thương tật là 1% thì vẫn có thể định tội danh bởi lẽ hung khí nguy hiểm là bản thân nó chứa đựng khả năng gây ra nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe, nó hoàn toàn phụ thuộc vào cách sử dụng của người phạm tội.

Ví dụ: S-n vụ Chi lụ hụng xãm cĩa nhau tró cĩng th«n, nhưng do S-n nghi ngờ Chi cũa quan hĩ t«nh cũm ri«ng tư vĩ vĩ cũa m«nh lụ Trĩu Thĩ Tam n«n ®· x«ly ra m©u thuĩn. Kho«ng 15 giĩ 30 phĩt nguy 09/03/2011 S-n ®ang ngĩi trong nhũ cũa m«nh th« nghe thĩy cũa tiĩng h« ẽ ngoĩ ruĩng, S-n nh«n ra th« thĩy Chi vụ anh rĩ cũa Chi lụ Minh ®ang ẽ ®,m ruĩng cũch nhũ S-n kho«ng 200m. Nghĩ Chi ®ang khi«u khĩch m«nh n«n S-n ®ĩng dĩy lĩy mĩt con dao nhĩn cũ chu«i b«ng gĩ dũ 15,5cm lĩi dũ 28,8cm, b«ĩn rĩng 4,5cm cũy ra cũ Chi ,S-n ®ĩng trũc mĩt Chi vụ nĩi "Lĩc n«y mĩy nĩi g« tao, mĩy cũ mĩn cũĩt kh«ng?" Chi trĩ lĩi "Tao cũ nĩi g« ®©u" nhưng S-n kh«ng nghe mĩ rĩt dao nhĩn ra x«ng tĩ tay phĩi cũm dao ®ĩm mĩt nh, t trĩng vụo cũ phĩy b«n trĩ cũ Chi. Chi bĩ thũ-ng ®ũc ®a ®ĩ trung tĩm y tĩ ®ĩu trĩ. Tĩ b«ĩn cũĩt lĩĩn gi,m ®ĩnh ph,p y vĩ thũ-ng tĩch sũ: 83/2010/TTPY nguy 16/04/2011 cũa Trung tĩm ph,p y cũĩt lĩĩn mĩc ®ĩ tĩn hĩi sũc khĩ cũa anh Chi lụ 04%(Bĩn phĩn trĩm). Tại bản án số 12 ngày 23/06/2011/HSST Toà án nhĩn dĩn Sơn dùng dao là hung khí nguy hiểm dĩ gây thương tích cho Chi nĩn dĩ áp dụng khoản 1, Điều 104 xử phạt bị cáo Sơn 06 thĩng tù giam.

Trong trường hợp này Toà án dĩ căn cứ vào khĩch thĩ bị xãm hại, mĩt khĩch quan, chủ quan và chủ thĩ cũa bị cáo cũ tỉ lệ thương tật được xĩ dĩn là dĩĩ 11%, Công cụ mà bị cáo dĩ sử dụng là dao dĩ áp dụng tình tiết dùng hung khí nguy hiểm theo dĩĩm a, khoản 1, Điều 104 BLHS là dĩĩng theo quy dĩn cũa pháp luật.

+ Trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ

Đối với các trường hợp này qua nghiên cứu các bản án cho thấy: Tòa án đã căn cứ vào khách thể bị xâm hại, mặt khách quan, lỗi của các bị cáo, chủ thể, tỷ lệ thương tích được xác định là dưới 11% nhưng các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội có tính hung hãn cao, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác không có nguyên do có mặt phạm tội vì lý do nhỏ nhất để áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất côn đồ" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ví dụ : Khoảng 19 giờ ngày 04/7/2015 Luân , Dũng; Tiên , Bảo ; Kỳ ; Thành đi hát Karaoke. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì Duy cũng đến quán để tìm phòng hát, lúc này quán chỉ còn phòng nhỏ nên Duy đã không đồng ý và đi vào phòng hát số 03 của nhóm Luân đang hát bảo nhường phòng, Luân không đồng ý nên hai bên đã xảy ra cãi cọ. Duy hăm hực quay về phòng trọ lấy 01 thanh dao bằng kim loại màu trắng và đi đến quán hát, Khi đến quán, Duy cầm 01 con dao đi vào phòng hát số 03 đe dọa và cãi nhau với nhóm của Luân, thấy vậy nhóm của Luân đã thôi hát và can ngăn, kéo nhau ra khỏi phòng . Lúc này Duy đứng cách nhóm của Luân khoảng 03m, Duy cầm dao xông lên và lao vào chém về phía Lộc Vân Tiên, thấy nguy hiểm nên Tiên cầm nhấc vào cạnh mặt bàn uống cà phê và quăng cả chiếc bàn về phía Duy thì tấm kính văng ra trúng vào phần đầu của Duy làm chảy máu ở vùng trán. Duy tiếp tục lao vào dùng dao chém vào người Tiên, trúng vào vai phải Tiên, Tiên lao đến ôm Duy để vật xuống thì bị Duy dùng dao đâm tiếp vào sườn bên phải, sau đó được mọi người can ngăn. Tại kết luận giám định pháp y về thương tích kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lộc Vân Tiên tại thời điểm giám định là 10%. Tại bản án số 20 ngày 20 tháng 04 năm 2015 áp dụng khoản a, i khoản 1 Điều 104 BLHS xử phạt Duy 12 tháng tù giam.

2.1.2.2. Thực tiễn định tội danh cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo cấu thành tội phạm tăng nặng.

** Thực tiễn định tội danh đúng.*

- Định tội danh theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự

Các tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự tương tự như cấu thành cơ bản, vẫn phải định tội danh theo các yếu tố CTTTP của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng về

mức độ hậu quả xảy ra thuộc về dấu hiệu của mặt khách quan. Hậu quả do hành vi của tội này có tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30 % nhưng thuộc một trong các quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS.

+ Trường hợp tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%

. Trường hợp dùng hung khí nguy hiểm

Qua nghiên cứu thấy rằng các vụ án đã xét xử tuy hậu quả tỷ lệ thương tật của bị hại từ 11% đến 31% nhưng bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm như dao, gậy, gạch... làm công cụ phương tiện phạm tội, đó là những vật có tính nguy hiểm. Vì vậy Tòa án đã dùng tình tiết định khung là hung khí nguy hiểm theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 104 BLHS là đúng theo quy định của pháp luật.

Ví dụ: Vụ khoảng 23 giờ 30 phút ngày 28/07/2011, Tuệ; Thách; Du vào nhau trên mét chiếc xe máy do Thách lái khi ở. Khi lái xe trên đường phố ba người thấy cả mét chiếc xe máy do Thách lái phía trước, trên xe có bốn người là anh Mai, chị Lan, chị Dinh, chị Ngọc. Do thấy trên xe có bốn người là anh Thách lái xe của mình phải vượt lên phía trước, lòng tự trọng của anh Mai, thấy vậy Mai cả hai “Mày lái kiểu gì thế” thì ba người bắt đầu cãi nhau với anh Mai, rồi Thách lái xe phải dừng lại phía trước. Đi được một đoạn Tuệ liền nói Thách vụ Du quay lại nhìn xem lúc này anh Mai nói gì, Thách đồng ý Tuệ vụ Du nhìn xuống mọi người cầm mét nữa vì anh nghĩ chỗ này xe quay lại chị Mai, khi Tuệ nói Tuệ nhìn xuống cầm mét rồi Tuệ chị anh Mai nói “Lúc này thế này nói cho tao biết” thì mãi người nào không ai nói, nhưng Tuệ vẫn tiếp tục gây sự với Lan bằng việc nói ra những lời can ngăn vụ Tuệ Tuệ rồi về, Tuệ bắt chị Lan bắt Tuệ ra nhưng chị Lan không bắt, sẵn trong tay cầm 1/3 viên gạch chỗ Tuệ để liên tiếp ba Tuệ bèn nhấc vụ ném Tuệ vụ ném trên của chị Lan làm chị Lan thấy nhiều máu phải đưa đi bệnh viện cấp cứu. Tuy nhiên Kết luận giám định pháp y về thương tích kết luận: Tạng tổn thương vết của chị Chu Thị Lan là 16% (Mức độ nhẹ).).

Toà án nhận định viên gạch mà Tuệ dùng để gây thương tích cho Lan là hung khí nguy hiểm mà tỷ lệ thương tật của Lan trên 11% vì vậy áp dụng khoản 2 Điều 104 BLHS xử phạt Vy Văn Tuệ 30 tháng tù cho hưởng án treo.

. Trường hợp phạm tội đối với nhiều người

Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người khi Tòa án xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS là trường hợp bị cáo gây thương tích cho từ hai người bị hại trở lên nhưng tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 11% trở lên.

Khoảng 14 giờ 00 ngày 14/08/2014 Hữu cùng bố là ông Nghi đi làm vườn. Đến nơi thấy ông Văn đang cuốc vườn. Thấy vậy Hữu đến gần nói: “ Đây là vườn của cháu, để cháu làm, ông không được làm, ông về đi” Hữu vừa nói vừa dùng tay đẩy ông Văn ra khỏi mảnh vườn. Bị Hữu đẩy ông Văn nói: “ Vườn của tao, tao cứ làm”. Hữu tiếp tục đẩy ông Văn ra khỏi mảnh vườn. Khi đó ông Nghi cùng đến và xô đẩy ông Văn làm ông Văn bị ngã xuống bậc vườn bên dưới. Sau đó ông Văn đứng dậy túm ngực Nghi đè xuống vườn và dùng thanh sắt đánh Nghi vào gò má bên phải. Thấy vậy Hữu cầm đoạn gậy gỗ sỡ còn tươi dùng tay phải đánh mạnh một phát vào cẳng tay phải của ông Văn. Khi đó có Ình chạy đến dùng một đoạn gậy trúng vào ngón trỏ phải của Hữu. Bị đau nên Hữu dùng gậy đánh một phát trúng vào mặt của ông Ình bị thương chảy máu. Sau đó Hữu bỏ đi đưa bố đến bệnh viện còn ông Văn và ông Ình được người nhà đưa đi bệnh viện cấp cứu. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích kết luận Tạng tỷ LỖ thương tỄt cĩa ông Văn lụ 15%. Và tỖ LỖ thư-ng tỄt cĩa ông Ình lụ 18%; Tại bản án số 44/2015/HSST ngày 17/07/2015 Toà án nhận định: Bị cáo sử dụng đoạn gậy gỗ sỡ còn tươi, dài khoảng 01m, đường kính khoảng 03 cm để gây thương tích cho ông Văn và anh Ình, nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự (dùng hung khí nguy hiểm, phạm tội đối với nhiều người) Xử phạt bị cáo Hữu 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 05 năm.

Bản án đã tuyên Tòa án căn cứ vào khách quan của hành vi phạm tội, dấu hiệu hậu quả là tỷ lệ thương tật dưới 31% của người bị hại, khách thể bị xâm hại, lỗi của bị cáo, tình tiết định khung là tình tiết bị cáo gây thương tích cho từ hai người trở lên “*gây thương tích cho nhiều người*” là có căn cứ và đúng pháp luật.

. Trường hợp phạm tội đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình.

Đây là trường hợp mang phản trắc, phạm tội với người mà đáng lẽ bị cáo phải kính trọng, ngoài việc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe thì đây còn là trường hợp xâm phạm thuần phong mỹ tục, đạo đức lối sống. Qua nghiên cứu vụ án

thấy rằng Tòa án đã căn cứ vào khách thể bị xâm phạm là ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo... với tỷ lệ thương tật từ 11% đến 31% để làm căn cứ định khung là có căn cứ.

Ví dụ: Khoảng 13 giờ ngày 16/06/2015 Bà Thâm không thấy hai bao thóc để trong buồng đầu nũa, nghi ngờ con trai là Đại đã mang thóc đi bán nên bà Thâm gọi điện bảo Đại về để tra hỏi. Đến khoảng 14 giờ Đại về đến nhà và thừa nhận là đem thóc đi bán. Sau đó Đại và mẹ có xảy ra cãi vã. Do bức tức Đại đã cầm lấy con dao (loại dao tông) chém nhiều nhát vào trần bát và cánh cửa bếp. Đang ngồi trên nhà nghe tiếng vợ con cãi chửi nhau nên Dương (bố đẻ của Đại) chạy xuống thì giữa Dương và Đại tiếp tục xảy ra cãi chửi nhau dẫn đến xô sát. Đại tay đang cầm dao nên dơ lên chém một nhát về phía bố và trúng vào vai bên phải của Dương, bị đau Dương chạy ra cửa bếp nhặt một khúc gỗ dài ném về phía Đại nhưng không trúng nên bỏ chạy, Đại tiếp tục cầm dao đuổi theo chém nhiều nhát sượt vào lưng của Dương và chém nhiều nhát về phía Dương trong đó có một nhát trúng vào đầu và hai nhát sượt vào bụng của Dương, do bị đau nên Dương không đuổi theo nữa sau đó được gia đình đưa đi bệnh viện băng bó vết thương. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích kết luận mức độ tổn hại sức khỏe của Dương là 12% (mười hai phần trăm) . Tòa án xác định Đại đã dùng hung khí nguy hiểm theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 104 BLHS và phạm tội đối với cha của mình theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 104 BLHS cộng với tỷ lệ thương tích của Dương là 12% vì vậy đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đại 30 tháng tù giam.

- Định tội danh theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự

Các tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự tương tự như cấu thành cơ bản, vẫn phải định tội danh theo các yếu tố CTTTP của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng về mức độ hậu quả xảy ra thuộc về dấu hiệu của mặt khách quan. Hậu quả do hành vi của tội này có tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS.

. Trường hợp dùng hung khí nguy hiểm.

Ví dụ: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 27/03/2013 Tháng sang nhựt Sóc rằm Sóc đi ch-ì Ìi Òn tồ, trong qu, tr×nh ch-ì Đức và Thắng có xảy ra mâu thuẫn và cãi cọ với Trần Văn Định. Đến 23 giờ thì Thắng và Đức ra về, đi được một đoạn thì thắng rủ Đức quay lại để đánh Định, Đức đồng ý và quay xe lại. Trong lúc quay xe Sóc nh×n thấy ẽ c¹nh Lò Òu ãng b¹n tr,i cũ mét thanh gç xĩ dui kho¶ng 50cm n¹n Ò· đồng xe l¹i, soi Òln ÒÓ Tháng xuềng cÇm lÊy rỏi tiÕp tồ Òi Òu khi Òn xe Òi Òo Tháng quay l¹i qu,n Òi Òn tồ. Khi Òĩn c, ch qu,n Òi Òn tồ kho¶ng 10m th× Sóc đồng xe, t³t m,y vµ quay ÒÇu xe l¹i cĩng Tháng ngải chē §ĩnh ra ÒÓ Ò, nh, lúc này Tháng b¶o Sóc lụ “tao vào Ò, nh cũn mụy l,i xe”, Sóc Òảng ý. §ĩi kho¶ng 5 phút thấy §ĩnh, khi thấy §ĩnh Òang mét m×nh ngải l¹n xe Òĩnh nê m,y Òi vÒ th× Tháng tay ph¶i cÇm miÕng gç xĩ Òi tồ tồ vÒ phÝa §ĩnh, Tháng li Òn d- gỄy l¹n ÒỄp mét nh,t theo hướng tồ tr¹n xuềng dui tróng vào vĩng ÒÇu phÝa trước tr,n cũa §ĩnh lụm §ĩnh bÐ thur-ng vµ gôc ng· t¹i chç Òuĩc mãi ngưi đưa Òĩn BỒnh vi Òn cỄp cõu. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích kết luận: Mức độ tổn hại sức khoẻ của §ĩnh tỷ lệ 52% .Theo quy Òĩnh t¹i tiÕu môc 3.1, môc 3 cũa NghĐ quyÕt sè 01/2006 ngày 12/05/2006 vµ môc 2 phÇn I NghĐ quyÕt sè 02/2003 ngày 17/04/2003 cũa Húi Òảng thÈm ph,n TANDTC th× miÕng gç xĩ Òuĩc coi lụ hung khÝ nguy hiÓm, v× khi t,c Òéng vào th©n thÓ ngưi kh,c sĩ g©y thur-ng tÝch rÊt nÆng nÒ vµ cũa thÓ dỄn tii tồ vong. v× vỄy vii thur-ng tÝch 52% mụ cũ cũ bÐ cũo Ò· g©y ra cho anh §ĩnh th× cũ cũ bÐ cũo bÐ truy tề vÒ tểi Cề ý g©y thur-ng tÝch theo quy Òĩnh t¹i kho¶n 3 Òi Òu 104 lụ hoµn toµn cũ cũn cũ vµ Òóng quy Òĩnh cũa ph,p luỄt. Vì vậy tại bản án số 25/HSST ngày 27/08/2013 xử phạt Thắng 30 tháng tù giam; Đức 24 tháng tù giam.

. Trường hợp phạm tội nhiều lần đối với một người hoặc đối với nhiều người

Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người được quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 104 BLHS, một người được coi là phạm tội nhiều lần đối với một người tức là đã có hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác cho một người từ hai lần trở lên mà có ít nhất hai lần tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%, trường hợp trong các lần đó chỉ có một lần tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 61% thì áp dụng tình tiết định khung theo

khoản 3 Điều 104 của BLHS. Hoặc cùng một lần phạm tội mà gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của từ người trở lên mà mỗi người tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%, trường hợp trong các lần đó chỉ có một người một lần tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên, còn các lần khác tỷ lệ thương tật đều dưới 61% thì bị cáo cũng chỉ bị xét xử theo khoản 3 Điều 104 của BLHS. Qua nghiên cứu hồ sơ Tòa án căn cứ vào mức độ thiệt hại là tỷ lệ thương tật của nạn nhân để làm tình tiết định khung là có căn cứ.

Ví dụ: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 11/01/2016, tại khu vực dưới gầm sàn, nhà anh Lý Hùng Phong, do mâu thuẫn cá nhân trong lúc dự đám cưới, nên giữa Triệu Phúc Đức và nhóm thanh niên ở thôn Thâm Xi, xã Tân Tri, đã xảy ra xô sát và đánh lộn lẫn nhau. Trong lúc đánh nhau Đức đã rút con dao nhọn mang sẵn trong người (loại dao bấm, gấp, dài 20cm, trong đó phần chuôi dài 12cm có ốp nhựa, phần lưỡi nhọn bằng kim loại màu trắng sáng dài 8cm, rộng 1,5cm) đâm nhiều nhát về phía những người đang lao vào đánh nhau với mình. Do trời tối không biết Đức có dao nên trong lúc lao vào đánh nhau Phan Xuân Chi, Phan Minh Lượng và Phan Hữu An đã bị Đức đâm trúng nhiều nhát vào cơ thể. Trong đó Phan Xuân Chi bị đâm tổng cộng 9 nhát vào vào ngực, bụng, lưng, đùi, cánh tay làm Chi bị thương và tổn hại tổng cộng 38% sức khỏe; Phan Minh Lượng bị đâm trúng một nhát vào lưng bị thương và tổn hại 03% sức khỏe; Phan Hữu An bị đâm một nhát trúng vào bụng bị thương và tổn hại 03% sức khỏe. Như vậy tổng tỷ lệ phần trăm thương tích của Lượng, An và Chi là 44% (bốn mươi bốn phần trăm). Hành vi phạm tội của Đức là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm và gây thương tích cho nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật là 44%. Vì vậy tại bản án số 18/HSST ngày 09/06/2016 xử phạt Triệu Phúc Đức 3 năm tù giam là có căn cứ.

. Trường hợp gây cố tật nhẹ cho nạn nhân

Qua nghiên cứu các vụ án đã xét xử thấy, Tuy tỷ lệ thương tật của bị hại từ 31% đến 60% nhưng hậu quả của hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân sau khi đã chữa lành vết thương để lại trạng thái bất thường, không thể chữa được cho một bộ phận cơ thể của nạn nhân, khi thuộc một trong các trường hợp: làm mất một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm giảm chức năng hoạt động của một bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn

nhân... thì áp dụng tình tiết định khung là “gây cố tật nhẹ cho nạn nhân” là có căn cứ và dùng theo quy định của pháp luật.

Ví dụ như: Khoảng 13 giờ ngày 02/10/2014 Nông Văn Diễn, vào khu đồi thông Co Mười để xem đồi, khi đến Diễn thấy bà Lộc Thị Tàu, đang lấy nhựa thông. Thấy vậy Diễn lấy một đoạn cây dài 1,48m đường kính khoảng 3,5cm đi đến cách bà Tàu khoảng 3m Diễn quát “mày trộm nhựa thông à?” bà Tàu trả lời “đồi của tao” Diễn tiếp tục tiến đến và cầm đoạn cây đập hai phát liên tiếp trúng vào tay và vùng bụng bà Tàu, làm bà Tàu ngã ngửa xuống đất không đứng dậy được nữa. Thấy vậy Diễn lục túi bà Tàu lấy điện thoại di động của bà Tàu gọi cho Tô Thị Phương- là con gái bà Tàu đến cùng Diễn đưa bà Tàu đi bệnh viện cấp cứu. Tại bệnh viện Đa khoa tỉnh xác định bà Tàu bị vỡ lách và phải cắt bỏ lá lách. Hành vi của Diễn đã đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích. Với hai tình tiết dùng hung khí nguy hiểm theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 104 BLHS và gây cố tật nhẹ cho nạn nhân vì nạn nhân bị mất một bộ phận cơ thể người do Diễn gây ra theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 104 BLHS. Tại bản kết luận giám định số 143/2014/TgT ngày 06/11/2014 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Lạng Sơn và Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 32/15/TgT ngày 14/02/2015 của Viện pháp y Quốc gia Bộ y tế tại Hà Nội kết luận tỷ lệ thương tích của bà Tàu là 33% theo nguyên tắc cộng lùi. Vì vậy Tòa án xử phạt Nông Văn Diễn 03 năm tù giam.

2.1.2.3. Thực tiễn định tội danh trong trường hợp đặc biệt

** Định tội danh trong trường hợp phạm tội chưa hoàn thành.*

Định tội danh đối với cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, ngoài việc xác định tỷ lệ thương tật của bị hại và hành vi gây thương tích đã xảy ra thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành tội phạm của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác theo quy định tại Điều 104 BLHS ở giai đoạn tội phạm hoàn thành, cần xác định các trường hợp phạm tội ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt.

Điều 17 BLHS năm 1999 có quy định: “*chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm. Người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng, thì*

phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện”. Đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác có thể được chuẩn bị công cụ, kỹ lưỡng về phương tiện, công cụ, cách thức thực hiện hành vi, tìm kiếm rủi ro đồng phạm....Do vậy, đối với tội này trong một số trường hợp sẽ bị xử lý ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội.

Điều 18 BLHS năm 1999 có quy định: *“Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt”*. Trong lý luận cũng như trong thực tiễn vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau về giai đoạn phạm tội chưa đạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

** Thực tiễn định tội danh trong trường hợp đồng phạm*

Theo quy định tại khoản 1, Điều 20 BLHS năm 1999 thì đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm.

Đồng phạm là khái niệm pháp lý nói lên quy mô tội phạm, được thể hiện trong một vụ án có nhiều người tham gia. Tuy nhiên, không phải cứ có nhiều người tham gia là đồng phạm mà nhiều người tham gia đó phải cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nếu có nhiều người phạm tội nhưng không cùng thực hiện một tội phạm thì không gọi là đồng phạm. Chế định đồng phạm quy định trong BLHS có hai loại mà khoa học Luật hình sự gọi là đồng phạm giản đơn và đồng phạm phức tạp (phạm tội có tổ chức).

Đồng phạm giản đơn là trường hợp tất cả những người cùng thực hiện một tội phạm đều là người thực hành. Ví dụ: A rủ B và C cùng rủ nhau đi đánh D

Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm (khoản 3, Điều 20 BLHS năm 1999). Phạm tội có tổ chức là trường hợp nhiều người cố ý cùng bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, vạch ra kế hoạch để thực hiện một tội phạm, dưới sự điều khiển thống nhất của người cầm đầu. Phạm tội có tổ chức là một hình thức đồng phạm, có sự phân công sắp đặt vai trò của những người tham gia. Trong đó mỗi người thực hiện một hoặc một số hành vi và phải chịu sự điều khiển của người cầm đầu.

Thực tiễn nghiên cứu tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại tỉnh Lạng Sơn thấy rằng chủ yếu các vụ án có đồng phạm đều là đồng phạm giản đơn.

Ví dụ: Vào khoảng gần 11 giờ ngày 21/3/2015, Tuấn Anh và Trung xô sát, cãi nhau nhưng do có người can ngăn nên mọi việc dừng lại ở đó. Xong do quá bức tức về thái độ của anh Trung nên Tuấn Anh đã gọi điện cho Đức bảo Đức rủ thêm bạn ra Cầu Ngâm để dạy cho anh Trung một bài học. Nhận được điện thoại của Tuấn Anh, Đức đã bảo Quang và Long đang có mặt ở đó đi cùng để đánh anh Trung. Khi đi Đức cầm 02 tuýt sắt và 01 con dao nhọn đi cùng, trên xe ô tô có sẵn 01 con dao nhọn của Long để từ trước. Tuấn Anh về nhà đợi khoảng 10 phút thì Trung đi xe mô tô đến, Tuấn Anh đứng ngay ra giữa đường dang tay chặn xe Trung lại, lúc này Trung đã rút dao bấm ở chùm chìa khóa ra, thấy vậy Tuấn Anh cũng lấy dao nhọn từ túi quần ra lao đến chém Trung nhưng không trúng, Trung bỏ chạy, Tuấn Anh cầm dao đuổi theo, Cùng lúc đó Đức, Long, Quang đi đến, ngay lập tức Long cầm dao nhọn, Quang cầm tuýt sắt, Đức cầm tuýt sắt dài và dao nhọn lao vào đuổi theo Trung. Thấy Trung chạy vào trong nhà Tuấn Anh thì Long, Đức, Quang đuổi theo vào trong nhà để đánh còn Tuấn Anh đứng ở ngoài. Long cầm dao chém 02 phát vào cẳng chân phải và ngón tay phải của Trung, Quang đã cầm tuýt sắt đập 01 phát trúng trán bên phải Trung, Đức cầm tuýt sắt đập vào người Trung và cầm dao chém 02 phát vào cánh tay phải và chân trái Trung. Kết luận giám định pháp y thể hiện Trung bị tổn thương cơ thể tổng tỷ lệ cộng lùi là 13%. Hành vi dùng dao nhọn, ống tuýt sắt gây thương tích cho Trung của các bị cáo thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm. Các bị cáo đã coi thường những quy tắc trong cuộc sống, chỉ vì những nguyên cớ nhỏ nhen do mình gây ra cố tình gây sự để phạm tội, hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất côn đồ. Đây là một vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do nhiều bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Tuấn Anh tuy không trực tiếp gây thương tích cho người bị hại nhưng là người khởi xướng việc đánh, gây thương tích cho Trung, Đức là người chuẩn bị công cụ và tích cực cùng Long, Quang trực tiếp thực hiện hành vi gây thương tích cho Trung. Do vậy, các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định. Vì vậy Tòa án Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tuấn Anh

30 (ba mươi) tháng tù; bị cáo Đức 26 (hai mươi sáu) tháng tù; bị cáo Long 24 (hai mươi tư) tháng tù; bị cáo Đỗ Văn Quang 24 (hai mươi tư) tháng tù.

** Định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội.*

Điều 50 BLHS năm 1999 có quy định về nguyên tắc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội. Định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội có thể được hiểu là sự đánh giá về mặt pháp lý hình sự những hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện trên cơ sở đối chiếu, so sánh để xác định sự giống nhau giữa các dấu hiệu của những hành vi ấy với các dấu hiệu của từ hai CTTP độc lập trở lên để xác định các tội danh cụ thể mà người phạm tội đã thực hiện được quy định trong các điều luật tương ứng trong phần các tội phạm của BLHS.

Định tội danh trong trường hợp một người thực hiện hành vi phạm tội có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và thực hiện hành vi của một hoặc nhiều tội phạm khác, trong đó việc thực hiện nhiều tội phạm này phải thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu cơ bản sau đây: Xác định một người đã có lỗi trong việc thực hiện hai hay nhiều tội phạm; các hành vi phạm tội đó đã được quy định trong các phần các tội phạm cụ thể của BLHS; người thực hiện hành vi phạm tội chưa bị xét xử về một tội nào đó trong số các tội phạm đó.

Khi định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội có hai trường hợp là phạm nhiều tội thực tế và phạm nhiều tội tư tưởng:

Phạm nhiều tội thực tế là trường hợp khi một người thực hiện nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội độc lập khác nhau và cách nhau một khoảng thời gian nhất định và những hành vi đó cấu thành hai hoặc nhiều tội phạm được quy định trong các điều luật khác nhau trong phần các tội phạm của BLHS, xâm phạm từ hai khách thể trở lên được luật hình sự bảo vệ và người thực hiện hành vi phạm tội chưa bị xét xử về một tội nào đó trong số các tội phạm đó. Các tội phạm được thực hiện trong những thời gian khác nhau và khoảng cách thời gian giữa việc thực hiện các tội phạm đó có thể dài hoặc không đáng kể, trong mọi trường hợp, từng hành vi phạm tội phải có tính độc lập, chứa đựng cấu thành của một tội phạm riêng biệt.

Phạm nhiều tội tư tưởng là trường hợp khi một người thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội và hành vi đó có cấu thành hai hoặc nhiều tội phạm được quy

định trong các điều luật khác nhau hoặc trong những khoản khác nhau của điều luật thuộc phần các tội phạm của BLHS. Trong trường hợp này hành vi nguy hiểm cho xã hội có thể có tính chất một mặt nhưng cũng có thể phát triển.

2.1.2.3. Những vi phạm, sai lầm và nguyên nhân

Định tội danh là vấn đề rất quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Đây là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự, cá thể hóa hình phạt một cách công minh, chính xác. Việc định tội danh sai sẽ dẫn đến hậu quả rất lớn, đặc biệt là không bảo đảm được tính có căn cứ của hình phạt được tuyên, xét xử không đúng người, không đúng tội, không đúng pháp luật.

Thực tiễn xét xử các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại tỉnh Lạng Sơn cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng còn có những quan điểm chưa thống nhất trong áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS như “phạm tội có tính chất côn đồ”, “gây cố tật nhẹ cho nạn nhân”, “phạm tội đối với nhiều người” ...Trên thực tế cho thấy việc cộng tỷ lệ thương tích đối với các bị hại để áp dụng khung hình phạt đối với bị cáo còn nhiều lúng túng.

Ví dụ: Khoảng 17 giờ ngày 10/10/2014, Bình cùng Chung, Tiệp, Tuấn, Hải, Trường Anh ngồi uống rượu tại quán lẩu nướng. Đến khoảng 19 giờ thấy Chung có biểu hiện say rượu nên Bình xin phép đưa Chung về. Do vậy giữa Bình và Tuấn có xảy ra lời qua tiếng lại với nhau. Bình đứng dậy thì Tuấn túm cổ áo Bình và đâm một phát vào mắt phải của Bình. Do được mọi người can ngăn nên Bình bực tức đi về nhà lấy 01 con dao dài khoảng 60 cm quay lại quán để đánh Tuấn. Khi đến quán thấy Tuấn và mọi người vẫn ngồi đó, Bình cầm dao lao vào chém nhiều nhát về phía Tuấn trúng vào vai trái, phía trái cổ và cẳng tay trái của Tuấn. Thấy vậy Trường Anh cầm ghế nhựa đỡ dao hộ Tuấn và giằng dao của Bình nhưng bị Bình cầm dao kéo lại nên bị cửa vào phần cẳng tay gần cổ tay trái. Thành lao vào giằng dao của Bình nên bàn tay trái bị thương. Sau đó Bình bỏ chạy. Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích kết luận mức độ tổn hại sức khỏe của Trường Anh là 12%, của Tuấn là 29%, của Thành là 18%. Tòa án quyết định: Tuyên bố Bình phạm tội cố ý gây thương tích. Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt Bình 06 (sáu) năm tù.

Tuy nhiên việc cộng tỷ lệ thương tật của ba bị hại trong vụ án là 12%, 18% và 24% thành 59% để định khung hình phạt khoản 3, Điều 104 BLHS là không đúng. Với tỷ lệ thương tích như trên của ba người bị hại, bị cáo chỉ bị xét xử theo khoản 2 Điều 104 BLHS. Đồng thời cũng xem xét lỗi của bị hại trong vụ án vì bị hại là người đã đánh bị cáo trước; Trường hợp anh Trường Anh bị thiệt hại 12% sức khỏe là do can và giữ dao của bị cáo nên bị thương chứ không phải do bị cáo chém. Tuy vậy, bị cáo có lỗi vì đã được can ngăn nhưng không dừng lại. Vì vậy tại bản án phúc thẩm Tòa án phúc thẩm Xử phạt bị cáo Ngô Văn Bình 04 (bổn) năm tù theo quy định tại khoản 2, Điều 104 BLHS.

Nguyên nhân dẫn đến sai sót trên là do thẩm phán không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án nên khi cộng tỷ lệ thương tích do bị cáo gây ra không đúng theo tinh thần của Nghị quyết số 01/2006/NQ – HĐTP ngày 12/05/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vì vậy dẫn đến việc áp dụng khung hình phạt sai đối với bị cáo; Chưa thường xuyên gấp kết xét xử với tổng kết xét xử để có được những đường lối, rút kinh nghiệm cho những lần sau; Chưa xây dựng được án lệ đối với loại tội này để giúp cho quá trình giải quyết các vụ án có tính chất đặc biệt dễ dàng hơn.

2.2. Quyết định hình phạt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

2.2.1. Cơ sở lý luận và pháp luật của quyết định hình phạt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

2.2.1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của quyết định hình phạt

*** Khái niệm**

Quyết định hình phạt là hoạt động nhận thức và áp dụng pháp luật hình sự của Hội đồng xét xử nhân danh Nhà nước xã hội chủ nghĩa, quyết định hình phạt đúng, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội là cơ sở pháp lý đầu tiên để đạt được mục đích của hình phạt. Sau khi định tội danh chính xác, quyết định hình phạt là một giai đoạn trong quá trình xét xử tội phạm, giai đoạn này cũng là một giai đoạn vô cùng quan trọng. Bởi lẽ hình phạt phù hợp với mức độ, tính nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu, quan điểm của những người tham gia tố tụng, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ sẽ thể hiện được sự

răn đe, giáo dục người phạm tội nhưng vẫn thể hiện sự nhân đạo của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, cho tới nay ở nước ta vẫn chưa có một văn bản pháp luật hình sự nào ghi nhận khái niệm quyết định hình phạt. Trong khoa học pháp lý đã có khá nhiều tác giả đưa ra khái niệm hình phạt. Đa số các tác giả cho rằng: *“Quyết định hình phạt là việc Toà án lựa chọn loại hình phạt cụ thể bao gồm hình phạt chính và có thể cả hình phạt bổ sung với mức độ cụ thể với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị cáo đã thực hiện để áp dụng cho người phạm tội”*.

** Đặc điểm*

Phân tích các quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt và các quan điểm khoa học về quyết định hình phạt có thể thấy quyết định hình phạt có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, quyết định hình phạt là hoạt động thực tiễn của Toà án (cụ thể là của hội đồng xét xử) được thực hiện sau khi đã định tội danh và trong trường hợp người phạm tội bị khẳng định là có tội thì bị kết án bằng một bản án và phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình bằng một hình phạt cụ thể.

Thứ hai, quyết định hình phạt do Toà án thực hiện trên cơ sở quy định của BLHS;

Thứ ba, nội dung của quyết định hình phạt có thể là miễn TNHS, nếu người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự thì đương nhiên không phải chịu hình phạt với tính chất và hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm và theo đó thì việc áp dụng hình phạt sẽ không đặt ra. Trường hợp người phạm tội bị kết tội bằng một bản án của Toà án và phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình gây ra nhưng lại được miễn hình phạt, điều đó có nghĩa là miễn hình phạt chỉ thuộc về thẩm quyền của Toà án và được thực hiện sau khi Toà án đã định tội danh và xác định trách nhiệm hình sự của người phạm tội. Nếu Toà án quyết định áp dụng hình phạt thì quyết định hình phạt bao gồm xác định khung hình phạt (có thể) và hình phạt cụ thể cho người phạm tội;

Thứ tư, quyết định hình phạt chỉ áp dụng đối với cá nhân có hành vi phạm tội và đủ điều kiện về mặt chủ thể của tội phạm.

Từ những phân tích trên, tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng, ‘ *Quyết định hình phạt là hoạt động nhận thức thực tiễn của Toà án (cụ thể là HĐXX) được thực hiện*

sau khi đã xác định được tội danh để định ra biện pháp xử lý tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị cáo đã thực hiện. Nội dung của hoạt động quyết định hình phạt có thể là miễn TNHS, nếu Tòa án quyết định áp dụng hình phạt thì hoạt động quyết định hình phạt bao gồm việc xác định khung hình phạt và việc xác định hình phạt cụ thể trong phạm vi luật cho phép đối với bị cáo” [16; tr 74-75].

** Ý nghĩa*

Với khái niệm và đặc điểm như trên, việc quyết định hình phạt đúng sẽ có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như mang lại sự công bằng, khách quan cho xã hội, bởi:

Thứ nhất, quyết định hình phạt đúng là cơ sở pháp lý để đạt được mục đích của hình phạt. Mục đích của hình phạt là kết quả mà Nhà nước đặt ra và mong muốn đạt được khi áp dụng hình phạt đối với người phạm tội. Tuy nhiên, mục đích của hình phạt có đạt được hay không lại phụ thuộc vào việc quyết định hình phạt của Hội đồng xét xử. Quyết định hình phạt đảm bảo tính công minh, đúng pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội là điều kiện bắt buộc để hình phạt được tuyên đạt được mục đích trừng trị và giáo dục, cải tạo người phạm tội.

Thứ hai, quyết định hình phạt đúng là cơ sở pháp lý đảm bảo và nâng cao hiệu quả của hình phạt. Hiệu quả của hình phạt phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: xây dựng pháp luật hình sự, quyết định hình phạt, tổ chức thi hành án và tái hòa nhập cộng đồng, công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân. Trong tất cả các yếu tố này thì quyết định hình phạt là yếu tố mang tính quyết định, quan trọng nhất vì quyết định hình phạt đúng là cơ sở để đảm bảo cho các yếu tố còn lại thực sự có ý nghĩa và phát huy được tác dụng trong thực tiễn. Quyết định hình phạt đúng là điều kiện đảm bảo tính khả thi của hệ thống hình phạt. Trong quyết định hình phạt, việc HĐXX lựa chọn đúng loại và mức hình phạt đối với người phạm tội, kết hợp được giữa trừng trị với giáo dục người phạm tội, phù hợp với hoàn cảnh của người phạm tội chính là điều kiện đảm bảo tính khả thi của hệ thống hình phạt trong thực tiễn. Quyết định hình phạt đúng sẽ làm cho mỗi hình phạt nói riêng và hệ thống hình phạt nói chung thực sự là công cụ hữu hiệu trong công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Thứ ba, quyết định hình phạt đúng là điều kiện đảm bảo tính khả thi của hệ thống hình phạt. Việc quyết định hình phạt đúng sẽ tác động đến ý thức của mỗi cá nhân để thấy sợ hình phạt mà không dám phạm tội và quan trọng hơn là nhận thức được tính nghiêm minh của pháp luật để tự giác chấp hành pháp luật. Từ đó xác định ý thức và trách nhiệm tham gia tích cực vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm góp phần bảo đảm pháp chế.

2.2.1.2. Các căn cứ quyết định hình phạt

Căn cứ quyết định hình phạt là đòi hỏi cụ thể, có tính khách quan của việc quyết định hình phạt. Căn cứ quyết định hình phạt là những đòi hỏi có nội dung cụ thể, mang tính khách quan, đặc trưng nhất cho tất cả các trường hợp phạm tội, có ý nghĩa quyết định đến tính đúng đắn, hợp pháp của toàn bộ hoạt động quyết định hình phạt. Chính vì vậy, chúng đã được nhà làm luật xác định và lựa chọn làm căn cứ cho việc quyết định hình phạt trong từng trường hợp phạm tội cụ thể.

Theo quan điểm của GS.TS Võ Khánh Vinh: *“Các căn cứ quyết định hình phạt là những đòi hỏi cơ bản có tính nguyên tắc do Luật hình sự quy định hoặc do giải thích luật mà có buộc Toà án phải tuân thủ khi quyết định hình phạt đối với người thực hiện tội phạm”* [32; tr 395].

Qua quá trình nghiên cứu, tác giả đồng tình với quan điểm này vì các căn cứ của quyết định hình phạt ngoài việc phải được quy định trong pháp luật hình sự thì còn có thể do giải thích pháp luật mà có buộc Toà án phải tuân theo khi quyết định hình phạt. Vì như vậy sẽ đảm bảo việc áp dụng hình phạt cho bị cáo không những đáp ứng được sự chặt chẽ, chính xác trên cơ sở quy định của BLHS, việc tuân thủ các căn cứ quyết định hình phạt của Toà án có tính chất bắt buộc mà còn có thể áp dụng thống nhất trong đường lối xử lý một số loại án nhất định của Toà án.

Điều 45 BLHS năm 1999 quy định về căn cứ quyết định hình phạt như sau: *“Khi quyết định hình phạt Toà án căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự”* Đây là căn cứ chung có tính chất bắt buộc trong mọi trường hợp khi quyết định hình phạt, tuân thủ các căn cứ quyết định hình phạt tạo khả năng đạt được mục đích của hình phạt.

Theo quy định trên thì quyết định hình phạt đối với người phạm tội, Tòa án phải căn cứ và tuân thủ theo các đòi hỏi quan trọng có tính nguyên tắc sau:

- *Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự.*

Khi quyết định hình phạt trước hết Tòa án phải căn cứ vào các quy định của BLHS bởi quy định của BLHS là cơ sở pháp lý quan trọng nhất để Tòa án định tội danh xác định khung hình phạt, yêu cầu đầu tiên của việc lựa chọn đúng loại và mức hình phạt cụ thể. Việc quy định căn cứ “*quy định của hệ luật hình sự*” nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng pháp luật khi áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự vào quyết định hình phạt. Nếu không dựa vào quy định của BLHS sẽ dẫn đến việc tùy tiện hoặc lạm dụng các quy phạm pháp luật hình sự khi quyết định hình phạt, đồng thời hình phạt được quyết định cũng khó có thể tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Vì vậy, Điều 45 BLHS năm 1999 đã buộc Hội đồng xét xử phải “*căn cứ*” vào quy định của BLHS, còn đối với ba căn cứ sau đây, Điều luật chỉ yêu cầu cân nhắc.

Theo đó, những quy định của BLHS về quyết định hình phạt bao gồm:

+ Các quy định có tính định hướng chung cho việc quyết định hình phạt: Nguyên tắc xử lý (Điều 3); Miễn trách nhiệm hình sự (Điều 19 và Điều 25); Mục đích của hình phạt (Điều 27); Các hình phạt (Điều 28); những quy định về nội dung, phạm vi, điều kiện áp dụng của từng hình phạt (từ Điều 29 đến Điều 40); Căn cứ quyết định hình phạt (Điều 45); Nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên (Điều 69); Các hình phạt được áp dụng đối với người chưa thành niên (Điều 71).

+ Các quy định cụ thể về quyết định hình phạt: Các tình tiết giảm nhẹ TNHS (Điều 46); Quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật (Điều 47); Các tình tiết tăng nặng TNHS (Điều 48); Tái phạm, tái phạm nguy hiểm (Điều 49); Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (Điều 50); Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án (Điều 51); Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt (Điều 52); Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm (Điều 53); Miễn hình phạt (Điều 54)....

+ Căn cứ vào quy định phần Các tội phạm của BLHS năm 1999 là căn cứ vào điều luật về tội phạm cụ thể để xác định khung hình phạt chính và hình phạt bổ sung áp dụng cho từng hành vi phạm tội mà điều luật về tội phạm quy định.

Dựa vào căn cứ này sẽ xác định được khung hình phạt là khung cơ bản, khung tăng nặng, khung giảm nhẹ hay chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn nếu bị cáo không được miễn TNHS hay miễn hình phạt.

- *Căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.*

Thực tiễn cho thấy các trường hợp phạm tội diễn ra hết sức đa dạng, phức tạp và không bao giờ giống nhau một cách tuyệt đối, kể cả các trường hợp cùng phạm một tội cụ thể cũng luôn khác nhau về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội. Do đó, để quyết định hình phạt đối với mỗi hành vi phạm tội cụ thể, luật bắt buộc Hội đồng xét xử phải căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Đây là yêu cầu có tính chất quyết định đến khả năng đạt được các mục đích của hình phạt. Việc quy định căn cứ cho Hội đồng xét xử có cơ sở vững chắc và điều kiện để lựa chọn và quyết hình phạt với mức độ cụ thể tương xứng với hành vi phạm tội, đáp ứng yêu cầu của nguyên tắc cá thể hoá hình phạt trong quyết định hình phạt.

Quyết định hình phạt là lựa chọn loại hình phạt cụ thể với mức độ nhất định trong phạm vi khung hình phạt của điều luật về tội phạm đã quy định. Khi dựa vào căn cứ này Tòa án có thể lựa chọn hình phạt cụ thể để có thể tuyên cho người phạm tội và để đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội Tòa án có thể dựa vào những tình tiết: Tính chất và mức độ hậu quả đã xảy ra hoặc đe dọa gây ra, mức độ lỗi, tính chất của động cơ phạm tội, tính chất của hành vi phạm tội như phương pháp, thủ đoạn phạm tội, công cụ, phương tiện phạm tội, hoàn cảnh phạm tội. Chính vì vậy quyết định hình phạt đối với mỗi hành vi cụ thể, Luật bắt buộc hội đồng xét xử phải căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Đây là yêu cầu có tính chất quyết định đến khả năng đạt được các mục đích của hình phạt, việc quy định căn cứ này sẽ giúp cho Hội đồng xét xử có cơ sở vững chắc và điều kiện để lựa chọn và quyết định hình phạt với mức độ cụ thể tương xứng với hành vi phạm tội.

- *Căn cứ vào đặc điểm nhân thân người phạm tội.*

“Nhân thân người phạm tội trong Luật hình sự được hiểu là tổng hợp những đặc điểm riêng biệt của người phạm tội có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn vấn đề trách nhiệm hình sự của họ. Những đặc điểm có thể là tuổi, nghề nghiệp, thái độ làm việc, thái độ trong quan hệ với người khác, trình độ văn hóa, lối sống, hoàn cảnh gia đình và đời sống kinh tế, thái độ chính trị, ý thức pháp luật, tôn giáo, tiền án, tiền sự...” [3].

Vì vậy, nghiên cứu về nhân thân người phạm tội sẽ cho chúng ta biết được những đặc điểm tốt, những đặc điểm xấu, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình hình thành nhân cách của người phạm tội để qua đó góp phần đánh giá chính xác tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như khả năng giáo dục, cải tạo họ. Đây là ưu điểm của căn cứ thứ ba này so với căn cứ như nhất và căn cứ thứ hai vì trên cơ sở hai căn cứ đầu tiên, việc cân nhắc nhân thân người phạm tội sẽ giúp cho Hội đồng xét xử không chỉ quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà hình phạt đó còn phù hợp với khả năng giáo dục, cải tạo của người phạm tội. Chỉ có như vậy mới giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS của người phạm tội, đảm bảo cho việc cá thể hoá hình phạt một cách chính xác nhằm đạt được tốt nhất các mục đích của hình phạt. Tuy nhiên, việc cân nhắc nhân thân người phạm tội khi quyết định hình phạt phải quán triệt các yêu cầu mang tính nguyên tắc sau:

Thứ nhất: Các đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội theo quy định của BLHS là tình tiết định tội, tình tiết định khung hình phạt hoặc đã được xác định là tình tiết giảm nhẹ hay tình tiết tăng nặng TNHS thì không được sử dụng một lần nữa để cân nhắc nhân thân người phạm tội khi quyết định hình phạt.

Thứ hai: Chỉ những đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội có liên quan trực tiếp đến tội phạm được thực hiện mà việc cân nhắc chúng nhằm giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS của người phạm tội và tạo khả năng cao nhất để có thể đạt được mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội mới được xem xét khi quyết định hình phạt.

Thứ ba: Trong mối quan hệ với căn cứ thứ hai, nhân thân người phạm tội chỉ là căn cứ giữ vị trí hỗ trợ, bổ sung để hình phạt được tuyên không những đúng pháp luật mà còn phù hợp với thực tiễn, đảm bảo đạt được các mục đích của hình phạt.

Thứ tư: Cần phân định rõ các đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội với các dấu hiệu chủ thể của tội phạm.

- *Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS.*

Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS với tính chất là một căn cứ quyết định hình phạt là những tình tiết được quy định trong Phần chung của BLHS, có giá trị làm giảm hoặc tăng mức độ TNHS của người phạm tội trong phạm vi một khung đề tạo tiền đề cho việc cá thể hoá hình phạt đối với người phạm tội được chính xác. Vì vậy cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS có ý nghĩa hết sức quan trọng trong quyết định hình phạt nhằm đảm bảo cho hình phạt tuyên một cách công bằng, thể hiện sự tương xứng giữa mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội với mức độ TNHS được áp dụng. Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS là những biểu hiện có tính đặc thù của từng trường hợp phạm tội nên mức độ ảnh hưởng của các tình tiết này đến việc quyết định hình phạt phải phụ thuộc vào từng vụ án hình sự cụ thể. Mức độ giảm nhẹ, tăng nặng TNHS của mỗi tình tiết không được nhà làm luật quy định trước trong luật mà thuộc quyền tùy nghi cân nhắc của Hội đồng xét xử. Vì vậy, khi cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS, cần phải quán triệt các yêu cầu có tính nguyên tắc sau:

Thứ nhất: Trong mỗi vụ án hình sự, trước tiên cần xác định tình tiết là yếu tố định tội, tình tiết là yếu tố định khung hình phạt trước rồi mới xác định tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Những tình tiết đã là yếu tố định tội, định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS hoặc tình tiết tăng nặng TNHS.

Thứ hai: Trong mỗi vụ án hình sự thường có cả tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng TNHS với những giá trị pháp lý không giống nhau. Điều đó đòi hỏi Hội đồng xét xử phải trên cơ sở đánh giá toàn diện các tình tiết trong mối liên hệ thống nhất của toàn bộ vụ án để xác định giá trị pháp lý, ý nghĩa của từng tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS làm căn cứ quyết định mức hình phạt tương xứng trong phạm vi khung hình phạt.

Thứ ba: Ngoài những tình tiết giảm nhẹ TNHS chung được quy định tại khoản 1 Điều 46, Hội đồng xét xử có quyền coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ nhưng phải ghi rõ trong bản án. Ngược lại, ngoài những tình tiết tăng nặng TNHS được quy

định tại khoản 1 Điều 48, Hội đồng xét xử không được coi bất kỳ tình tiết nào khác là tình tiết tăng nặng TNHS cho bị cáo.

Thứ tư: Khi bị cáo có từ hai tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 46, Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Ngược lại, dù bị cáo có nhiều tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 48 thì Tòa án cũng không được quyết định hình phạt vượt quá giới hạn mức tối đa của khung hình phạt.

Đối với những vụ án vừa có tình tiết giảm nhẹ vừa có cả tình tiết tăng nặng TNHS thì những tình tiết này không những cần được đánh giá riêng lẻ mà còn cần được đánh giá một cách toàn diện trong mối liên hệ biện chứng và ảnh hưởng qua lại lẫn nhau, đồng thời phải xem xét hoàn cảnh, thời gian, không gian xảy ra vụ án. Trên cơ sở đó, Tòa án xác định giá trị pháp lý của từng tình tiết để làm giảm hay tăng mức hình phạt trong giới hạn của khung hình phạt hoặc xuống dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

2.2.1.2. Các nguyên tắc quyết định hình phạt

Các nguyên tắc quyết định hình phạt tuy có những đặc điểm riêng đặc trưng cho quá trình quyết định hình phạt nhưng chúng vẫn nằm trong thể thống nhất với các nguyên tắc của Luật hình sự. Các nguyên tắc này vừa có tính độc lập tương đối vừa có mối liên hệ qua lại chặt chẽ với nhau, đan xen nhau định hướng cho Tòa án quyết định hình phạt đúng đắn với người phạm tội.

Trong pháp luật hình sự Việt Nam, các nguyên tắc quyết định hình phạt không được ghi nhận chính thức trong BLHS mà được thể hiện thông qua nội dung các quy phạm pháp luật hình sự.

Các nguyên tắc quyết định hình phạt là những tư tưởng chỉ đạo mà Tòa án phải tuân thủ khi áp dụng các quy định của Luật hình sự để quyết định hình phạt đúng đắn đối với người phạm tội. Giữa các nguyên tắc quyết định hình phạt và các căn cứ quyết định hình phạt có mối liên hệ mật thiết với nhau. *“Các nguyên tắc quyết định hình phạt tồn tại ở các mặt này hay các mặt khác của các căn cứ quyết định hình phạt. Những căn cứ quyết định hình phạt là những biểu hiện, đòi hỏi cụ thể của các nguyên tắc quyết định hình phạt”* [26; Tr. 35]

Ở nước ta hiện nay, trong khoa học Luật hình sự có nhiều quan điểm khác nhau trong việc xác định các nguyên tắc quyết định hình phạt. Tuy nhiên, đa số các tác giả cho rằng các nguyên tắc quyết định hình phạt bao gồm bốn nguyên tắc:

- *Nguyên tắc thứ nhất*: Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa - Nguyên tắc này là nguyên tắc chung của cả hệ thống pháp luật Việt Nam, được tuân thủ trong tất cả các ngành luật cụ thể: Trong ngành Luật hình sự, nguyên tắc này đòi hỏi tất cả các vấn đề về tội phạm và hình phạt đều phải được quy định cụ thể, rõ ràng trong văn bản luật; việc xác định tội phạm và quyết định hình phạt trong áp dụng luật đều phải dựa trên các điều luật cụ thể: Những loại hình phạt có thể được áp dụng cho người phạm tội phải được quy định bởi quy phạm pháp luật hình sự. Điều 26 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, khi định nghĩa hình phạt đã khẳng định: *“Hình phạt được quy định trong bộ luật hình sự và do Tòa án quyết định”* [5]. Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước có nội dung tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người bị kết án. Chính vì vậy mà việc áp dụng hình phạt đối với người phạm tội phải được cân nhắc thận trọng và hết sức chặt chẽ. Tòa án chỉ được áp dụng một hình phạt chính đối với người bị kết án khi hình phạt này được quy định trong BLHS quy định cho chính hành vi phạm tội đó. Nguyên tắc này còn được thể hiện ở chỗ nội dung quy định về mục đích hình phạt (Điều 27) *“hình phạt không chỉ nhằm mục đích trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống XHCN, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa chống tội phạm”* [5]. Nguyên tắc này còn thể hiện khi quyết định hình phạt Tòa án phải tuân thủ các quy định của BLHS về nội dung phạm vi và điều kiện áp dụng các loại hình phạt. Khi quyết định hình phạt Tòa án còn phải tuân thủ các quy định về căn cứ quyết định hình phạt, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHS.

- *Nguyên tắc thứ hai*: Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa - Đây là nguyên tắc chung và là nguyên tắc được đặc biệt chú ý trong ngành luật hình sự vì hậu quả mà người phạm tội phải chịu trong ngành luật này là hình phạt. Nguyên tắc nhân đạo cũng được thể hiện ở nhiều điều luật quy định về quyết định hình phạt. Tòa án phải xuất

phát từ tư tưởng nhân đạo để áp dụng và tuân thủ triệt để các quy định của luật hình sự về hình phạt cũng như quyết định hình phạt.

- *Nguyên tắc thứ ba:* Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt, Cá thể hóa khi quyết định hình phạt là cơ sở pháp lý để Tòa án cá thể hóa trong áp dụng và ngược lại, trong việc cá thể hóa hình phạt áp dụng là quá trình đưa các quy phạm pháp luật hình sự vào thực tiễn giúp cho việc cá thể hóa trong luật được thực hiện trong thực tế. Nguyên tắc này đòi hỏi Tòa án khi quyết định hình phạt xác định loại và mức hình phạt cụ thể không chỉ tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà còn phù hợp với những đặc điểm về nhân thân của người phạm tội để đảm bảo hình phạt đã tuyên đạt được mục đích trừng trị và giáo dục, cải tạo người phạm tội.

Nguyên tắc thứ tư: Nguyên tắc công bằng, Trong luật hình sự nguyên tắc công bằng được thể hiện là sự tương xứng giữa tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và TNHS của người thực hiện hành vi phạm tội phải chiu. Nghĩa là, hình phạt được tuyên phải tương xứng với hành vi phạm tội, phản ánh một cách khách quan đúng đắn dư luận xã hội, ý thức pháp luật và đạo đức xã hội, phải có sức thuyết phục mọi người, đảm bảo tính chính xác, tính lập luận và bắt buộc phải có lý do.

Bốn nguyên tắc này có tính độc lập tương đối của nó và cùng tồn tại. Mặt khác, các nguyên tắc quyết định hình phạt luôn có những phần, những nội dung xâm nhập nhau, có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau, tác động qua lại lẫn nhau và ở dạng tổng thể tạo thành một hệ thống thống nhất. Tính hệ thống và tính thống nhất cao của các nguyên tắc quyết định hình phạt bảo đảm tính định hướng của Tòa án khi quyết định hình phạt. Điều đó nói lên mối liên hệ biện chứng giữa các nguyên tắc quyết định hình phạt. Bởi vậy, Tòa án khi áp dụng các nguyên tắc phải nhận thức được điều đó để tránh hoặc là đồng nhất chúng hoặc là áp dụng một cách đơn lẻ.

Khi xem xét nội dung cụ thể bốn nội dung của nguyên tắc quyết định hình phạt, có thể nhận định rằng các nguyên tắc đặc thù cho quá trình quyết định hình phạt, định hướng cho hoạt động của Tòa án để quyết định hình phạt được đúng đắn với người phạm tội. Các nguyên tắc quyết định hình phạt tuy có tính đặc thù cho quá trình quyết định hình phạt nhưng chúng vẫn nằm trong thể thống nhất với các nguyên tắc của Luật hình sự.

2.2.2. Thực tiễn của quyết định hình phạt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Bảng 2.5: Tình hình quyết định hình phạt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trong 5 năm từ năm 2011 đến năm 2015

Hình phạt	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Bị cáo	Tỷ lệ %	Bị cáo	Tỷ lệ %	Bị cáo	Tỷ lệ %	Bị cáo	Tỷ lệ %	Bị cáo	Tỷ lệ %
Cải tạo không giam giữ										
Tù cho hưởng án treo	38	21,8%	52	23,8%	91	26,5%	63	25,3%	51	22,8%
Tù 3 năm trở xuống	90	51,7%	102	46,7%	143	41,6%	109	43,7%	104	46,6%
Tù 3 năm đến 7 năm	43	24,7%	61	27,9%	102	29,7%	72	28,5%	63	28,2%
Tù 7 năm đến 15 năm	3	1,7%	3	1,3%	6	1,7%	5	2%	6	2,7%
Tổng cộng	174		218		343		249		223	

(Nguồn: Phòng thống kê và công nghệ thông tin VKSND tỉnh Lạng Sơn)

Việc tổng hợp, phân tích thực tiễn quyết định hình phạt tại tỉnh Lạng Sơn trong 5 năm từ năm 2011 đến năm 2015 cho thấy: Hình phạt cải tạo không giam giữ không được Tòa án áp dụng, hình phạt tù có thời hạn là hình phạt tù được áp dụng nhiều nhất trên đại bàn tỉnh Lạng Sơn. Trong đó mức hình phạt từ 3 năm trở xuống chiếm tỷ lệ cao nhất.

Để làm rõ hơn thực tiễn quyết định hình phạt trên địa bàn tỉnh tác giả đi sâu, phân tích và làm rõ thực tiễn quyết định hình phạt trong các trường hợp cụ thể.

2.2.2.1. Thực tiễn quyết định hình phạt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo điều khoản cơ bản

- Thực tiễn áp dụng hình phạt đúng

* Áp dụng hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS

Khi áp dụng khung hình phạt này Tòa án căn cứ vào các quy định của BLHS, tức là phải căn cứ vào cả các quy định ở cả phần chung và phần quy định về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tại Điều 104 BLHS, Người phạm tội bị cơ quan xét xử áp dụng khung hình phạt này khi tỷ lệ

thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS.

Ví dụ: Khoảng 10 giờ ngày 07/4/2016, Nguyễn Tuấn Anh điều khiển xe mô tô đi từ đường Tam Thanh ra ngã 6 Pò Soài. Khi đi đến trước cửa nhà nghỉ Phương Thảo, Nguyễn Tuấn Anh phát hiện thấy Trần Tuấn Anh đi bộ ngược chiều với Nguyễn Tuấn Anh. Thấy Trần Tuấn Anh, Nguyễn Tuấn Anh quay đầu xe mô tô lại và dừng xe, rút con dao bấm dài khoảng 25cm mang theo từ trước và mở lưỡi dao ra cầm trong tay để sau lưng, đi bộ đến chỗ Trần Tuấn Anh hỏi: "*Mày có trả tiền tao không?*" thì Trần Tuấn Anh trả lời: "*Tao đáo trả, bố mày bùng, bố mày đáo trả mày làm gì được tao*". Nguyễn Tuấn Anh lấy con dao ra, thấy vậy, Trần Tuấn Anh bỏ chạy thấy một chiếc chổi quét rác dài khoảng 1m đã cũ để gần thùng rác công cộng, Trần Tuấn Anh cầm chổi đi về phía Nguyễn Tuấn Anh và vụt về phía Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Tuấn Anh lao đến đâm 01 nhát vào phía nách phải của Trần Tuấn Anh và bỏ đi. Trần Tuấn Anh bị thương được đưa đi cấp cứu điều trị và có đơn đề nghị xử lý về hình sự đối với Nguyễn Tuấn Anh. Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 114/2016/TgT ngày 19/5/2016 của Trung tâm pháp y kết luận mức độ tổn hại sức khỏe của Trần Tuấn Anh tỷ lệ 01%. Tại bản án số 53/2016/HSST ngày 28/06/2016 Tòa án đã xét nhân thân, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội gây ra, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS thấy rằng: Bị cáo là người đã nhiều lần phạm tội, đã hai lần về tội "Cưỡng đoạt tài sản"; và tội "Trộm cắp tài sản". Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra thấy hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy bị cáo vụ người bị Trần Tuấn Anh đã mượn thuận vay tiền bị cáo, không chi trả tiền, nhưng do bị cáo coi thường tính mạng và sức khỏe của người khác, bị cáo cầm dao gây thương tích người bị hại. Vì vậy nên vụ án cần quan trọng tra bị cáo thành khẩn khai báo; Mối hận do người bị hại còn cả lợi, do vậy bị cáo ước hướng tích cực giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Về tính chất tình trạng năng lực: Bị cáo đồng phạm tích cực cải tạo. Vì vậy Hội đồng xét xử đã áp dụng khoản 1, Điều 104; khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự: Xóa bỏ bị cáo Nguyễn Tuấn Anh mức án 09 (Chín) tháng tù giam. Qua vụ án trên ta thấy, Hội đồng xét xử đã đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội

gây ra, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS cũng như các điều kiện khác một cách đầy đủ và đúng quy định của pháp luật. Do vậy mức hình phạt HĐXX đã tuyên đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ và nhân thân người phạm tội.

2.2.2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo điều khoản tăng nặng.

** Áp dụng hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS*

Khung hình phạt này được áp dụng khi người bị hại bị thương tật từ 31% đến 60% hoặc dưới 31% nhưng có một trong các tình tiết định khung tăng nặng từ điểm a đến điểm k khoản 1, nên mức hình phạt khoản 2 cao hơn mức hình phạt khoản 1. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp tại khoản 2 Điều 104 BLHS người phạm tội sẽ bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. Đây là tội phạm nghiêm trọng. Khi quyết định hình phạt Tòa án đã căn cứ vào các quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như căn cứ pháp lý khác để đưa ra hình phạt hợp lý phù hợp với từng hành vi tội phạm.

Ví dụ: Khoảng 21 giờ, ngày 03/8/2015, do bị Hiếu yêu cầu trả xe ô tô mà dẫn đến Đức và Hiếu đã cãi chửi nhau. Đức đã không kìm chế được bản thân nên đã dùng dao gây thương tích vào thái dương, vào đầu, vào cổ và hõ nách bên trái của Hiếu. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 217/2015/TgT ngày 26/9/2015 kết luận tổng tỷ lệ cộng lùi của Hiếu là 16%. Tại bản án số 131/2015/HSST ngày 22/12/2015 Tòa án đã xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội gây ra, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS thấy rằng: Hành vi gây thương tích của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi nó đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác và thể hiện sự coi thường pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được con dao là hung khí nguy hiểm có thể gây thương tích cho người khác nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Xét về nhân thân: Bị cáo là người đã trưởng thành; phạm tội lần đầu. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời bị cáo rất ăn năn hối cải về việc làm mà mình đã gây ra. Ngoài ra, dưới sự tác động của bị cáo, gia

đình bị cáo đã đến thăm hỏi, bồi thường thiệt hại cũng như chi phí điều trị vết thương cho người bị hại. Người bị hại cũng có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Không có. Vì vậy Hội đồng xét xử Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đức 18 (mười tám) tháng tù. Qua vụ án trên ta thấy, Hội đồng xét xử đã đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội gây ra, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS cũng như các điều kiện khác một cách đầy đủ và đúng quy định của pháp luật. Do vậy mức hình phạt HĐXX đã tuyên đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ và nhân thân người phạm tội

** Áp dụng hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 104 BLHS*

Khung hình phạt này được áp dụng đối với các hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61 % trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này. Khung hình phạt tại khoản 3 Điều 104 BLHS có mức phạt tù từ 05 năm đến 15 năm- Đây là khung hình phạt với loại tội rất nghiêm trọng là khung hình phạt được xét xử chiếm tỷ lệ cao chỉ đứng sau khung 2 của điều luật.

Ví dụ: Khoảng 20 giờ ngày 29/4/2015 Nguyễn Văn Quỳnh, ra uống bia cùng bạn là Lại Thống Nhất, Hoàng Ngọc Dũng, Vũ Văn Tuyên, Vũ Văn Thương và một số người khác. Và gặp Phạm Văn Kiên sau đó cả hai to tiếng chửi nhau và xảy ra xô sát, thấy Quỳnh cúi xuống như nhặt gì đó để ném thì Kiên sợ, bỏ chạy, Kiên nhìn thấy một thanh sắt dài khoảng 50cm dựng cạnh đấy đã cầm thanh sắt đó đập một phát trúng vào vùng trán gần hốc mắt phải Quỳnh, làm Quỳnh gục ngã tại chỗ. Quỳnh được đưa đi cấp cứu điều trị tại Bệnh viện đa khoa Lạng Sơn và Bệnh viện mắt Trung ương. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích tích số 124/2015/TgT ngày 27/5/2015 của Trung tâm pháp y kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn Quỳnh tổng tỷ lệ cộng lại là 49%. Tại bản án số 104/2015/HSST ngày 20/9/2015 Tòa án xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội gây ra, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS thấy rằng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm

pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, trong quá trình xô xát bị cáo đã dùng thanh sắt đập một phát về phía người bị hại. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây tổn hại đến sức khỏe của người bị hại và làm mất trật tự trị an xã hội. Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng Không có; Về tình tiết giảm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã có sự tác động nhất định đến gia đình, tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại với số tiền 10.000.000đ, Gia đình bị cáo có ông Phạm Văn Tập là bác ruột, sống cùng gia đình bị cáo được Nhà nước phong tặng Huân chương chiến công giải phóng hạng ba, là liệt sỹ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Tuy nhiên xét thấy, người bị hại cũng có một phần lỗi, sự việc xảy ra cả một phần nguyên nhân từ người bị hại anh Nguyễn Văn Quỳnh đã có hành vi chửi bị cáo trước. Vì vậy tại Bản án số 104/2015/HSST ngày 20/9/2015 Tòa án, áp dụng khoản 3 Điều 104; Điều 33; Điều 6, khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Xổ phạt bị cáo Phạm Văn Kiên mức án 06 năm tù. Qua đây thấy rằng Hội đồng xét xử đã Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi thực hiện, xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xem xét mức độ lỗi của các bên một cách đầy đủ và đúng quy định của pháp luật. Do vậy mức hình phạt HĐXX đã tuyên đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ và nhân thân người phạm tội.

- Những vi phạm, sai lầm và nguyên nhân

Trên thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn thấy rằng hầu hết các vụ án về tội này bị kháng cáo, kháng nghị chủ yếu là về vấn đề áp dụng hình phạt. Sai sót chủ yếu là do Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá không hết hoặc thiếu sót các tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị cáo dẫn đến tuyên nặng hơn so với quy định của BLHS hoặc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên nhẹ hơn, không xứng đáng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội gây ra.

Ví dụ: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 27/9/2015, Đinh Văn Thoại và Đinh Văn Đoàn đi xe mô tô từ nhà đến nhà Đinh Văn Huân. Khi đi đến đường rẽ vào nhà Huân thấy Huân đang ngồi dưới gốc cây nhãn ở đầu ngõ sử dụng điện thoại di động nên Thoại vào gặp Huân đòi tiền do trước đó Huân còn nợ của Thoại. Huân nói là

chưa có tiền trả và hẹn một thời gian nữa. Thoại không đồng ý và yêu cầu Huân đưa điện thoại di động mà Huân đang sử dụng cho Thoại giữ khi nào có tiền thì đem chuộc lại. Đoàn đứng ngoài xe mô tô thấy Huân chưa trả tiền mà chỉ đưa điện thoại di động nên đã đi vào và nói với Huân phải trả tiền đúng hẹn. Sau đó, giữa Huân và Đoàn đã xảy ra cãi nhau. Huân đã chạy vào nhà lấy một con dao tông dài 37cm chạy ra ngoài đuổi theo chém Đoàn chém 01 phát vào vùng cổ bên trái làm Đoàn ngã xuống đường, Huân tiếp tục lao đến chém thêm nhiều phát nữa trúng vào chân trái của Đoàn gây ra 3 vết thương. Đoàn được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện. Huân bỏ trốn lên đồi, sau đó đến khoảng 4 giờ 30 phút ngày 28/9/2015 thì đến Công an huyện đầu thú. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 187/2015/TgT ngày 05/11/2015 kết luận mức độ tổn thương cơ thể của anh Đinh Văn Đoàn là 15%. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/2016/HSST ngày 30/5 /2016, Tòa án đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Đinh Văn Huân phạm tội cố ý gây thương tích; Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đinh Văn Huân 04 (bốn) năm tù.

Huân đã kháng cáo với lý do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; bị cáo bị các anh Đinh Văn Đoàn, Đinh Văn Thoại đánh, khống chế lấy điện thoại di động nên mới bức xúc dẫn đến phạm tội. Qua nghiên cứu vụ án thấy rằng: Bị cáo lần đầu phạm tội, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã đến Công an đầu thú, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Đồng thời thấy rằng khi bị cáo ra đầu thú Công an đã tiến hành khám dấu vết trên thân thể của bị cáo; theo biên bản khám dấu vết trên thân thể của bị cáo vào ngày 28/9/2015 tại Trung tâm y tế huyện Trảng Định thì trên thân thể Đinh Văn Huân có nhiều dấu vết để lại *“vành tai trái và vùng sau nắp tai sưng bầm tím nhẹ...mu bàn tay trái sưng nhẹ, sưng bầm tím, vẫn cử động được khớp, bàn ngón bình thường”*. Bản thân Thoại, Đoàn cũng thừa nhận do Huân nợ tiền Thoại nên đến đòi tiền và vì Huân chưa có tiền trả nên đã yêu cầu Huân đưa chiếc điện thoại di động để cầm cố. Như vậy trên thực tế bị cáo có dấu vết bị đánh để lại, chiếc điện thoại di động bị cáo đang cầm

cũng bị Thoại lấy mất, phía bị hại lúc đó có hai người về tương quan lực lượng chiếm ưu thế áp đảo hơn. Từ các phân tích trên thấy rằng việc bị cáo khai bị các anh Đoàn, Thoại đánh, buộc bị cáo phải đưa chiếc điện thoại di động cho Thoại là có căn cứ; người bị hại anh Đoàn bị thương tích là 15%, gần mức khởi điểm về tỷ lệ thương tích của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự. Như vậy trong sự việc này bị hại cũng có một phần lỗi. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét đến hoàn cảnh dẫn đến bị cáo phạm tội; chưa đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo Huân là quá nghiêm khắc. Vì vậy tại bản án số 47/2016/HSPT ngày 12/08/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định sửa bản án sơ thẩm số 16/2016/HHST ngày 30/05/2016, cụ thể: Áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của BLHS. Xử phạt bị cáo Đinh Văn Huân 03 (ba) năm tù giam về tội Cố ý gây thương tích.

Tác giả nhận thấy quy định của BLHS về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, mức hình phạt thấp nhất và cao nhất trong các khung là khá rộng. Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 104 cho thấy rõ điều đó: Khoản 2 chênh lệch đến 5 năm, khoản 3 chênh lệch đến 10 năm và khoản 4 chênh lệch trên 10 năm đến chung thân. Do đó để quyết định hình phạt một cách chính xác, đánh giá đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội ngay cả trong cùng một khung hình phạt Tòa án phải xem xét, cân nhắc nhiều các quy định liên quan như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, các yếu tố nhân thân người phạm tội.... Việc xem xét áp dụng các tình tiết và quyết định hình phạt đôi khi bị ảnh hưởng bởi nhận thức chủ quan của người áp dụng pháp luật nên xuất hiện nhiều trường hợp có sự “vênh nhau” giữa luận tội tại phiên tòa của VKS với quyết định của HĐXX, giữa cấp sơ thẩm và phúc thẩm khi vận dụng các tình tiết là căn cứ khi quyết định hình phạt.

2.2.2.3. Thực tiễn quyết định hình phạt trong trường hợp đặc biệt.

** Thực tiễn quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.*

Qua khảo sát các bản án đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn từ năm 2011 đến 2015 thì việc quyết định hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe

của người khác trong trường hợp đồng phạm được TAND hai cấp xem xét cẩn trọng, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên vẫn có những vụ án chưa đánh giá đúng vai trò của người đồng phạm dẫn đến việc quyết định hình phạt còn nhẹ, chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật cũng như không đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm về xâm phạm tính mạng sức khỏe của người khác.

Ví dụ: Khoảng 19h30 phút ngày 30/6/2013, Nông Văn Sơn đang cùng các bạn ngồi chơi tại nhà thì nhận được thông tin về việc Đinh Văn Thành tìm số điện thoại của Đinh Văn Hoàng, Sơn cho rằng việc tìm gặp có thể nhằm để đánh nhau (*Vì Đinh Văn Thành chơi với nhóm bạn của Bé Văn Tuấn, còn Đinh Văn Hoàng chơi với nhóm bạn của Nông Văn Sơn*). Đến khoảng 21h30 phút, Sơn rủ các bạn đến quán của anh Đoàn Ngọc Danh uống rượu ộc, trên đường đi có gặp nhóm của Hoàng, khi cùng nhau đến quán thì thấy nhóm của Thành đã ngồi trước đó. Khi vào quán, nhóm của Nông Văn Sơn ngồi cùng bàn với Hoàng Ngọc Sơn, Mã Đức Tùng; được khoảng 5 phút, Nông Văn Sơn nói với Tùng là “*Chắc là tí nữa sẽ có đánh nhau*”, Tùng hỏi lại “*đánh nhau với đội nào, đánh nhau với ai, tý đánh thắng nào mà chỉ mặt cho tao*”. Đến khoảng 22h30 phút cùng ngày; tất cả mọi người trong quán bỗng nhiên đồng loạt nhón nháo đứng dậy, khi thấy có 03 người ngồi trên một chiếc xe mô tô đi qua trước cửa cách quán khoảng gần 20m, vào phía trong mặt đập hồ Kéo Quân. Mã Đức Tùng nghe thấy nói “*có người cầm dao*”, liền quay ra sau lưng cầm lấy 01 thanh củi (*dài khoảng 01m, đường kính khoảng 03 đến 04 cm*), chạy ra hỏi “ *Thằng nào* ”, thì nghe thấy có tiếng nói là “*Thằng cầm dao*”. Thấy vậy, Hoàng Ngọc Sơn và Nông Văn Sơn cũng lấy trong đồng củi của nhà anh Danh, mỗi người 01 thanh tương tự rồi chạy theo. Cùng lúc đó có rất nhiều người thanh niên cũng đang ngồi trong quán uống rượu tò mò chạy ra xem, có một số người cầm gậy, dao chạy theo. Tùng chạy đến, thấy Đinh Văn Nam đang ngồi trên xe, Đinh Văn Văn thì đứng cạnh, còn Bé Văn Tuấn tay phải cầm một con dao phớt, đứng ở trước đầu xe phía bên trong đập, cách khoảng 05 - 07m. Tùng đi đến và nói “*Thằng nào thích thì đánh nhau, đánh chết nó đi*”, Tuấn nói “*Em Tuấn đây anh Tùng ơi*”, đồng thời vút dao đi. Tuấn vừa nói dứt lời thì Tùng lao đến, tay phải cầm gậy đánh luôn 01 phát, hướng chệch từ trên xuống, trúng vào bên trái phần đầu, vai của Tuấn, làm gậy bị gãy đôi, nên Tùng vút bỏ gậy. Tuấn bị đánh, cúi đầu lao về

phía trước, thì bị Tùng tiếp tục dùng tay tát vào mặt một phát, Tuấn bị đau cúi khom người bỏ chạy ra mép đường phía bên phải lòng hồ, ngay lúc đó, Hoàng Ngọc Sơn lao đến từ phía sau, tay phải cầm thanh củi đánh 01 phát trúng thẳng vào phần đỉnh đầu phía bên phải của Tuấn, làm gây bị gãy đôi, Liền sau đó Nông Văn Sơn cũng lao đến, tay phải cầm thanh củi đánh 01 phát trúng vào vùng lưng phía bên phải của Tuấn. Bị đánh liên tiếp 03 phát, Tuấn vẫn cố bỏ chạy được về phía lòng đập khu vực chòi van xả nước; thấy vậy Hoàng Ngọc Sơn đuổi theo khoảng 02 -03m thì dừng lại. Sau đó tất cả mọi người cùng quay lại quán anh Danh và cùng đi về nhà.

Sau khi các đối tượng đánh nhau bỏ đi về hết, thì Văn, Thành và các bạn, đi tìm Tuấn nhưng không thấy, chỉ phát hiện chiếc dép và vết máu rơi trên nền bê tông phía thượng lưu của đập nên đã trình báo cơ quan chức năng phối hợp cùng gia đình tìm kiếm, đến 15h30 ngày 01/7/2013 đã phát hiện và trục vớt được thi thể Bé Văn Tuấn ở dưới nước, gần chòi van xả nước trong đập Kéo Quân. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, ra quyết định trưng cầu giám định, giải phẫu tử thi, xác định nguyên nhân chết của Bé Văn Tuấn. Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 79/2013/GĐPY, ngày 09/7/2013 của Trung tâm pháp y kết luận: *Nguyên nhân Chết do ngạt nước, trên nạn nhân có vết thương đỉnh đầu bên phải, nứt vỡ xương hộp sọ vùng đỉnh phải.*”

Khẳng định ý chí chủ quan của các bị cáo chỉ nhằm gây thương tích, tổn hại sức khoẻ cho người bị hại, sau khi bị đánh một phát chí mạng vào đỉnh đầu làm nứt vỡ xương hộp sọ, Bé văn Tuấn vẫn có thể chạy trốn được, nhưng trong tình trạng bị choáng và mất máu nhiều nên đã ngã xuống hồ nước đập Kéo Quân dẫn đến bị “*chết do ngạt nước*”, cái chết của Tuấn là ngoài ý muốn của các bị cáo nhưng có mối quan hệ nhân quả tất yếu xuất phát từ nguyên nhân do chính thương tích quá nặng của các bị cáo gây ra, gián tiếp tước đi mạng sống của một thanh niên với tuổi đời còn rất trẻ.

Xác định yếu tố lỗi và nguyên nhân của vụ án; Trước hết một phần thuộc về phía bị hại chỉ trong một thời gian ngắn đã có nhiều lần lấy loại dao phớ ngang nhiên đi gây sự đánh nhau với thanh niên xã khác. Lỗi của các bị cáo, mặc dù người bị hại đã buông dao, nhưng vẫn lao vào hành xử một cách bạo lực thể hiện hành vi côn đồ trong khi không có mâu thuẫn, thù hằn đến mức ra tay đánh triệt hạ đối phương; bản

chất chỉ là giúp nhau, đánh trả thù cho bạn hay thể hiện bản tính đàn anh hoặc đơn giản chỉ là a dua, ỷ đông hiếp yếu. Các bị cáo có thể chất phát triển bình thường, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện liên tiếp với lỗi cố ý trực tiếp gây nên vết thương chí mạng, trong khi chạy trốn đã bị choáng váng, ngã xuống nước, dẫn đến hậu quả làm một người chết; Tuy việc gây thương tích dẫn đến cái chết là nằm ngoài ý muốn của của các bị cáo. Đối với hành vi dùng đoạn gỗ gõ đánh mạnh vào khu vực vùng đầu(*trọng yếu*) gây thương là nguyên nhân chính dẫn đến bị hại ngã xuống nước tử vong; thuộc tình tiết dùng “ *hung khí nguy hiểm*” . Vậy đã đảm bảo tình tiết định tội gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người tại khoản 3 Điều 104 BLHS . Từ những phân tích nêu trên, đủ căn cứ chứng minh các bị cáo đã có hành vi cố ý gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 điều 104 Bộ luật hình sự. Vì vậy Tòa án đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nông Sơn; Tùng; Hoàng Sơn; phạm tội:“ Cố ý gây thương tích”. *Áp dụng:* Khoản 3 Điều 104 (*dẫn chiếu điểm a khoản 1 Điều 104*); các Điều 20, 53; các điểm (*b, p*) khoản 1 và khoản 2 (*01 tình tiết*) Điều 46; điểm (d) khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn Sơn 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù; Tùng 06 (sáu) năm tù; Hoàng Sơn 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Kết luận chương 2

Từ thực tiễn định tội danh và QĐHP về tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tại tỉnh Lạng Sơn từ năm 2011 đến năm 2015 đã cho thấy tư duy nhận thức và áp dụng pháp luật. Các cơ quan tiến hành tố tụng tunhr Lạng Sơn đã vận dụng tốt các lý luận về định tội danh vào thực tiễn để quyết định tội danh, khung hình phạt một cách chính xác, không bỏ lọt tội phạm cũng như không kết tội oan cho công dân. Bên cạnh đó, việc QĐHP cũng đảm bảo theo đúng quy định pháp luật và căn cứ vào tất cả các yếu tố như hành vi, nhân thân người phạm tội, các tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ để đưa ra hình phạt tương ứng với hành vi mà vẫn thể hiện sự nghiêm khắc của pháp luật mà nhân đạo của nhà nước ta. Mặc dù vẫn còn nhiều vướng mắc trên thực tiễn, tuy nhiên cơ bản việc xét xử tội phạm này cũng không quá phức tạp, khả năng dẫn đến vi phạm, sai lầm không cao. Cũng trong luận văn này, tác giả xin đưa ra

một số giải pháp để khắc phục những vi phạm, sai lầm trong quá trình định tội danh và QĐHP thể hiện trong chương 3 sau đây.

Chương 3

CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI CỐ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC GÂY TỒN HẠI CHO SỨC KHOẺ CỦA NGƯỜI KHÁC

3.1. Các yêu cầu bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

3.1. 1. Yêu cầu của việc đưa bộ luật hình sự 2015 vào cuộc sống

Bên cạnh công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm thì việc xây dựng để hoàn thiện pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống là vấn đề rất quan trọng. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn để xây dựng pháp luật cho phù hợp cũng như đảm bảo việc áp dụng pháp luật trên thực tế. Qua nghiên cứu, phân tích, đánh giá các quy định pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về tội phạm nói chung, cụ thể về tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng trong nhiều năm qua cho thấy một số quy định của BLHS liên quan đến tội phạm này còn bất hợp lý và thiếu cụ thể. Do vậy đã ảnh hưởng không nhỏ tới áp dụng pháp luật vào hoạt động điều tra, truy tố và xét xử. BLHS nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 (viết tắt là BLHS năm 2015) được Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015, được Chủ tịch nước công bố vào ngày 18/12/2015 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2016 là một trong những đổi mới lớn nhất mà Nhà nước đã làm để hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Trong BLHS 2015, tội danh CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác từ điều 104 thành điều 134 với một số thay đổi là bổ sung thêm tình tiết "Dùng axit sunfuric (H_2SO_4) hoặc hóa chất nguy hiểm khác gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác" để xử lý hình sự hành vi này trong trường hợp thương tích của nạn nhân dưới 11%. Thực tiễn trong thời gian qua, nhiều vụ việc người phạm tội gây thương tích cho nạn nhân bằng cách tạt axit. Qua giám định thương tích, có tỷ lệ tổn thương cơ thể không lớn nhưng hậu quả là rất nghiêm trọng vì gây nên những cố tật về thẩm mỹ trên cơ thể, đặc biệt là khuôn mặt người bị hại, ảnh hưởng tới cả thể xác

và tinh thần của họ trong suốt phần đời còn lại. Những hành vi này gây bức xúc, bất bình lớn trong dư luận. Do đó, việc quy định thêm tình tiết này là hoàn toàn hợp lý. Bên cạnh đó là bổ sung hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội. Đây cũng là một điểm mới mà cần áp dụng rất nhiều trong thực tiễn. Tuy nhiên để việc áp dụng pháp luật một cách chính xác và thống nhất thì cần ban hành các văn bản hướng dẫn áp để thực hiện.

3.1.2. Yêu cầu bảo vệ quyền con người

Quyền con người là một giá trị thiêng liêng bất khả tước đoạt, nó hiện hữu trong nhiều lĩnh vực của đời sống trong đó có lĩnh vực hình sự. Sự phát triển của Hiến pháp năm 2013 về việc ghi nhận và đảm bảo thực hiện tốt hơn các quyền con người, quyền công dân đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cả hệ thống pháp luật, trong đó có pháp luật hình sự với tính cách là công cụ pháp lý quan trọng và sắc bén nhất trong việc bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân. Theo đó, một mặt, BLHS 2015 đã đảm bảo tốt hơn quyền con người, quyền công dân xử lý nghiêm các hành vi xâm hại các quyền con người, quyền cơ bản của công dân; mặt khác cần nghiên cứu, đề xuất sửa đổi theo hướng đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; tạo điều kiện thuận lợi để người bị kết án tái hòa nhập cộng đồng. Thực tiễn cho thấy, vẫn còn tình trạng quyền con người, quyền cơ bản của công dân, nhất là đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội vẫn chưa được tôn trọng một cách đầy đủ, toàn diện. Nhìn chung, người dân chưa thực sự cảm thấy an toàn về môi trường sống, vẫn còn xảy ra những vụ giết người, cướp của tàn bạo gây chấn động trong dư luận và gây tâm lý hoang mang trong một bộ phận nhân dân; người dân chưa thực sự yên tâm phát huy tính sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tích cực, chủ động tham gia phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật. Tình trạng ô nhiễm môi trường, mất vệ sinh an toàn thực phẩm, mất an toàn trong lao động... đã đến mức báo động. Đối với người bị kết án thì việc xóa án tích, nhất là đương nhiên được xóa án tích hiện nay rất phức tạp, thủ tục rườm rà chưa tạo điều kiện thuận lợi cho họ tái hòa nhập cộng đồng. Vì vậy, BLHS phải được tiếp tục hoàn thiện để góp phần tạo ra một khung pháp lý đủ mạnh nhằm bảo vệ một môi trường sống an lành cho người dân; bảo vệ tốt hơn các quyền con người,

quyền tự do, dân chủ của công dân; động viên khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân yên tâm tham đấu tranh phòng, chống tội phạm, phát triển kinh tế, sáng tạo khoa học.

3.1.3. Yêu cầu cải cách tư pháp

Với tư cách là một công cụ sắc bén để bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, các quyền, lợi ích hợp pháp của tập thể và của cá nhân, pháp luật hình sự là một nội dung quan trọng trong chiến lược cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên, do ban hành từ năm 1999, nên BLHS chưa có điều kiện để thể chế hoá được những quan điểm, chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện trong Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02-01-2002 của Bộ Chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới” và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”, trong đó một trong những nội dung quan trọng theo yêu cầu cải cách tư pháp, đó là: *"Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng hình sự, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. Khắc phục tình trạng hình sự hoá quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm. Quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế"*

Theo tinh thần các Nghị quyết trên nhiều văn bản nhiều văn bản pháp luật về tố tụng đã ban hành, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện như Hiến pháp 2013; Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014, Luật tổ chức cơ quan điều tra 2015, BLHS 2015, BLTTHS 2015 và các đạo luật tư pháp khác... Trong đó xác định rõ và đầy đủ hơn chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp.

3.2. Các giải pháp đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

3.2.1. Tăng cường nhận thức đúng lý luận và quy định của pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Hiện nay tình hình tội phạm đang có diễn biến phức tạp, tính chất ngày càng nguy hiểm hơn và hậu quả mà tội phạm gây ra ngày càng nghiêm trọng; trong đó, tội phạm Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác ngày càng gia tăng và được đánh giá là loại tội phạm có diễn biến phức tạp. Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp và đã có chính sách hình sự triệt để, nghiêm khắc nhằm đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe danh dự nhân phẩm nói chung tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng. Trên cơ sở Hiến pháp của Nhà nước CHXHCN Việt Nam, Bộ luật hình sự đã không ngừng được phát triển và hoàn thiện.

Hiến pháp của Nhà nước CHXHCN Việt Nam quy định rất rõ về quyền bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người; công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm...

Nhận thức đúng lý luận và pháp luật về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có ý nghĩa rất lớn trong việc định tội danh. Các dấu hiệu trong CTTP tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định trong BLHS và rất nhiều các quy phạm pháp luật (QPPL) xong rất nhiều các QPPLHS chưa xác định rõ ràng dẫn đến sự hiểu khác nhau dẫn đến việc áp dụng cũng khác nhau. Để định tội danh đúng thì người tiến hành tố tụng cần lựa chọn quy phạm pháp luật, đối chiếu, so sánh chính xác, đầy đủ các dấu hiệu của tội phạm được quy định trong điều luật, trong khoản, điểm với các tình tiết hành vi phạm tội đã thực hiện.

Tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác như đã nhấn mạnh trải qua quá trình quy định và hoàn thiện. Hiện nay BLHS năm 2015 quy định Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tại Điều 134 với những nội dung khá mới mẻ. Chính điều này đặt ra nhu cầu tăng cường nhận thức lý luận về tội phạm trên, đó là nhận thức đúng nội hàm của khái niệm về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và các dấu hiệu pháp lý của tội này trong các yếu tố khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm Cố ý gây thương tích hoặc

gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Đặc biệt cần phân tích sâu dấu hiệu hành vi trong mặt khách quan với những dạng cụ thể. Vậy, vấn đề đặt ra là cần tăng cường nhận thức như thế nào?

Thứ nhất, cần tổ chức tập huấn, chuẩn bị áp dụng các quy định của BLHS năm 2015 về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Thứ hai cần tăng cường phổ biến, tuyên truyền các quy định của BLHS năm 2015 nói chung và Điều 134 về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nói riêng.

Thứ ba, tổ chức tọa đàm với chuyên đề về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tổ chức các cuộc hội thảo, chuyên đề về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

3.2.2. Tăng cường nhận thức đúng lý luận định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Định tội đúng có ý nghĩa quyết định trong vụ án hình sự, bởi vì nó là cơ sở cần thiết đầu tiên cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội. Khi tiến hành định tội danh cần phải căn cứ vào cả quy phạm phần chung lẫn quy phạm phần các tội phạm của BLHS đồng thời phải việc dẫn một cách chính xác và đầy đủ điều khoản bao quát được toàn bộ hành vi nguy hiểm cho xã hội được nêu trong BLHS. Trên cơ sở xác định người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội gì, quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật hình sự, người áp dụng sẽ quyết định một hình phạt phù hợp đối với hành vi phạm tội đó. Hành vi của người nào không có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm thì người đó không phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt. Nó bảo đảm cho việc không xét xử oan người không phạm tội. Vì thế, định tội được xem là tiền đề, điều kiện cho việc quyết định hình phạt đúng đắn, góp phần mang lại hiệu quả trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Trong trường hợp định tội không chính xác sẽ dẫn đến kết án sai, không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án, xử lý oan người vô tội, để lọt tội phạm, xử nhẹ hoặc nặng hơn so với tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Việc xử lý hình sự thiếu chính xác như thế sẽ xâm phạm đến những quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, làm giảm uy tín của các cơ quan tư pháp, vi phạm pháp chế, ảnh hưởng không nhỏ đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

3.2.3. Tăng cường hoàn thiện chính sách hình sự và pháp luật hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Qua nghiên cứu tội CYGTT hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định tại Điều 104 BLHS 1999 tác giả thấy còn một số vướng mắc sau:

* Hạn chế bất cập về hậu quả của tội phạm tại khoản 1 Điều 104 BLHS: Người có hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có tỷ lệ thương tật dưới 11% nhưng nếu có thêm một trong các dấu hiệu được quy định từ điểm a đến điểm k khoản 1 thì vẫn cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, do điều luật không quy định mức tỷ lệ thương tật tối thiểu là bao nhiêu % để truy cứu trách nhiệm hình sự nên có trường hợp người gây thương tích cho người khác làm tổn hại 1% sức khỏe cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

* Hạn chế bất cập trong quy định tình tiết gây cố tật nhẹ cho nạn nhân: Theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 104 BLHS có quy định tình tiết “gây cố tật nhẹ” là tình tiết định tội trong trường hợp tỷ lệ thương tật của nạn nhân dưới 11%, theo quy định này thì người bị hại bị thương tật dưới 11% mà bị cố tật nhẹ là dấu hiệu định tội theo quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS, Để giải quyết vấn đề này, ngày 17/4/2003 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao phải ban hành Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP trong đó giải thích: “Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân” là hậu quả của hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân để lại trạng thái bất thường, không thể chữa được cho một bộ phận cơ thể của nạn nhân với tỷ lệ thương tật dưới 11% khi thuộc một trong các trường hợp: làm mất một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm mất chức năng một bộ phận cơ thể của nạn nhân; làm giảm chức năng hoạt động của một bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc làm ảnh hưởng đến thẩm mỹ của nạn nhân. Tuy nhiên, cách giải thích nói trên mâu thuẫn với quy định của Điều 104 BLHS với nếu như vậy sẽ không áp dụng được với trường hợp tỷ lệ thương tật của nạn nhân từ 11% trở lên (theo khoản 2, khoản 3 Điều 104 BLHS) trong khi khoản 2, khoản 3 Điều 104 BLHS quy định rõ: phạm tội trong trường hợp mà tỷ lệ thương tật từ 11 % đến 30 % (khoản 2) hoặc phạm tội là tỷ lệ thương tật là từ 31 % đến 60 % (khoản 3) “nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này” (nghĩa là bao gồm cả điểm b khoản 1 với tình tiết “gây cố tật nhẹ

cho nạn nhân”. Hơn nữa, cách quy định của BLHS tại khoản 2 và khoản 3 Điều 104 nêu trên cũng không hợp lý vì khi tỷ lệ thương tật đã là trên 11 %, có trường hợp đến 60 % thì cố tật gây ra cũng không thể là “cố tật nhẹ” được nữa. [8- Tr 20-28]

* Hạn chế bắt cập trong quy định về tình tiết phạm tội trong thời gian bị tạm giam, tạm giữ: Qua nghiên cứu tác giả thấy rằng chưa có văn bản hướng dẫn nào hướng dẫn thi hành về tình tiết “phạm tội trong thời gian tạm giữ, tạm giam”

* Hạn chế bắt cập trong quy định về tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ: Xung quanh quy định về tính côn đồ này, nhiều ý kiến cho rằng, luật vẫn chưa rõ ràng cần phải có hướng dẫn cụ thể hơn nữa. Hiện luật cũng mới quy định chung chung, chưa xác định rõ thế nào là hành vi côn đồ, phạm tội có tính chất côn đồ... để các cơ quan tố tụng căn cứ vào đó mà thực hiện. Do vậy, trên thực tế không ít trường hợp các cấp Tòa án không thống nhất trong việc xử lý khiến nhiều vụ bị hủy sửa một cách đáng tiếc. Nhiều vụ bị hủy, sửa cũng đã phản ứng lại việc bị hủy sửa này không “tâm phục, khẩu phục” cách xử lý của tòa cấp trên. Một số ý kiến cho rằng phạm tội có tính chất côn đồ là trường hợp phạm tội chỉ vì những nguyên do nhỏ nhặt hoặc vô cớ, thể hiện tính coi thường pháp luật, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng bị cáo có nhân thân xấu, có nhiều tiền án, tiền sự, khi phạm tội thể hiện tính hung hăng, càn quấy thì phải coi là có tính chất côn đồ... Tới nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về áp dụng tình tiết này, vì vậy việc áp dụng tình tiết này ở các địa phương là khác nhau còn mang tính tùy nghi dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất.

Vì vậy trong thời gian tới, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần hoàn thiện pháp luật hình sự, tố tụng hình sự; ban hành, sửa đổi, bổ sung, giải thích và hướng dẫn áp dụng pháp luật kịp thời. Tiếp tục đổi mới hoạt động để nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật tạo ra hệ thống pháp luật đồng bộ, mang tính khả thi cao, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện. Đây là yêu cầu quan trọng làm cơ sở cho việc bảo đảm ADPL.

3.2.4. Tăng cường giải thích áp dụng pháp luật và tổng kết thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Công tác giải thích và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật là vấn đề rất quan trọng và cần thiết. Đây cũng là công việc khó khăn và phức tạp, đòi hỏi nâng cao năng lực và trí tuệ ngang tầm với thực tiễn của đời sống kinh tế - xã hội luôn biến động và phong phú. Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần tăng cường giải thích pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật thông qua khảo sát, nghiên cứu tổng kết thực tiễn, đổi mới tư duy nâng cao chất lượng của các văn bản giải thích, hướng dẫn góp phần bảo đảm sự thống nhất của pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. [37]

Luôn coi trọng công tác tổng kết thực tiễn, kiểm tra giải quyết án hình sự của cấp sơ thẩm; giám đốc thẩm, tái thẩm đối với những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp huyện bị kháng nghị. Để bảo đảm chất lượng của hoạt động này, chủ yếu phải thông qua công tác kiểm tra và giải quyết khiếu nại của phòng Kiểm tra giám đốc án.

Tổng kết kinh nghiệm trong thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt thực chất là tổng kết việc ADPL trong hệ thống cơ quan Tòa án theo những chủ đề nhất định và trong một thời gian nhất định như nêu các bản án, quyết định đúng đắn, chính xác, có tính mẫu mực để toàn ngành học tập và những bản án, quyết định đã ban hành chưa chính xác, chưa thoả đáng, còn có những sai lầm trong xem xét, đánh giá chứng cứ, trong việc chọn quy phạm pháp luật để rút kinh nghiệm. Trên cơ sở đó đưa ra những đánh giá thực chất về sự chính xác, phù hợp thực tiễn của các quy phạm pháp luật sau khi được Nhà nước ban hành: những quy phạm pháp luật nào phát huy tác dụng tốt; những quy phạm pháp luật nào còn mang tính chung chung, trừu tượng khó thực hiện; những quy phạm pháp luật nào quy định quá cụ thể, cứng nhắc không đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống xã hội.

3.2.5. Tăng cường năng lực cán bộ định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Cần kiện toàn tổ chức bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực nghiệp vụ chuyên phải thường xuyên nâng cao lý luận chính trị, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức cho Thẩm phán - lực lượng chủ yếu hoạt động áp dụng pháp luật, xây dựng và phát triển đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng,

đồng thời tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ Thư ký, Thẩm tra viên, Chuyên viên nhằm bảo đảm nguồn nhân lực sẵn sàng cho điều kiện mới.

Nâng cao chất lượng Thẩm phán trên cơ sở nâng cao chất lượng hoạt động xét xử, lấy hoạt động xét xử làm trung tâm nhằm bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người và bảo vệ pháp chế XHCN.

Toà án các cấp cần tạo điều kiện thuận lợi cho Hội thẩm nhân dân thực hiện nhiệm vụ, đồng thời chỉ bố trí Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử khi đã được nghiên cứu hồ sơ, chủ động phối với thường trực đoàn mời Hội thẩm nhân dân tham gia vụ án phù hợp với chuyên môn. Hội đồng nhân dân và Ủy ban mặt trận Tổ quốc các cấp - các cơ quan có thẩm quyền trong việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm - nên có sự phối hợp tốt hơn đối với Toà án để thực sự Hội thẩm nhân dân là đại diện cho nhân dân nhưng vẫn bảo đảm được hoạt động của Toà án được thuận lợi.

Việc nâng cao chất lượng Thẩm phán ở Việt Nam cần dựa trên các giải pháp cơ bản sau:

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về Thẩm phán, mở rộng nguồn bổ nhiệm Thẩm phán; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán; hoàn thiện chế độ tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán; cải cách chế độ tiền lương và các chế độ đãi ngộ khác của Thẩm phán; hoàn thiện chế độ khen thưởng, kỷ luật Thẩm phán; bảo đảm điều kiện vật chất cho hoạt động của Thẩm phán; tăng cường các biện pháp bảo đảm cho hoạt động của Thẩm phán; tăng cường công tác kiểm tra giám sát với hoạt động của đội ngũ Thẩm phán; nâng cao trách nhiệm cá nhân của Thẩm phán.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt nói chung và định tội danh và quyết định hình phạt tội mua bán người trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn nói riêng thì cần phải có giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ Hội thẩm nhân dân như sau: Đổi mới quy định, tiêu chuẩn tuyển chọn Hội Thẩm nhân dân phải được quy định rõ ràng về tiêu chuẩn đạo đức, trình độ pháp luật và trình độ nghiệp vụ. Hoàn thiện tổ chức, bồi dưỡng nghiệp vụ đối với Hội thẩm nhân dân.

3.2.6. Các giải pháp khác

- Nâng cao ý thức xã hội, ý thức pháp luật của nhân dân: tăng cường hơn nữa hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh trật tự .Phát huy vai trò của nhân dân chủ động

phòng ngừa tội phạm. Nâng cao chất lượng nghiệp vụ các ngành Tư pháp làm sáng tỏ đặc điểm, quy luật, hành vi của loại tội phạm này.

- Tăng cường nâng cao năng lực cho các cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật; đẩy mạnh sự phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác đấu tranh phòng chống nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng sức khỏe của người khác nói chung: cần kiện toàn tổ chức, bồi dưỡng, nâng cao trình độ năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác bảo vệ pháp luật;

- Cần nhận thức đầy đủ hơn vai trò của chính sách đãi ngộ cán bộ, công chức làm trong cơ quan tiến hành tố tụng bao gồm cả đãi ngộ về vật chất và khuyến khích về tinh thần: tiền lương, thưởng; phụ cấp chức vụ, khu vực, làm thêm giờ, trợ cấp khó khăn; Từng bước tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị và kinh phí hoạt động.

Kết luận chương 3

Trong chương 3 tác giả đã nêu ra các yêu cầu định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, từ đó đưa ra các giải pháp bảo đảm định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Các giải pháp nêu ra như trên sẽ góp phần khắc phục được những hạn chế vừa nêu trên, nâng cao được hiệu quả hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt, tăng tính rắn chắc, góp phần hạn chế tội phạm Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tăng hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hội nhập và toàn cầu hóa của pháp luật hình sự nước ta.

KẾT LUẬN

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định rất sớm trong pháp luật hình sự của Nhà nước Việt Nam, tuy nhiên trên thực tế tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác còn có các yếu tố gây tranh cãi trong việc định tội danh dẫn đến việc áp dụng pháp luật không đồng nhất. Trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự có không ít những vấn đề vướng mắc phát sinh trong cả nhận thức và trong thực thi nhiệm vụ của cán bộ các ngành, các cấp. Trong quá trình điều tra, truy tố xét xử còn gặp nhiều khó khăn... Do đó việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách toàn diện và chi tiết các yếu tố cấu thành tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo Điều 104 BLHS năm 1999 tạo cơ sở pháp lý quan trọng trong việc ADPL xử lý đúng người, đúng tội và đưa ra chế tài chính xác.

Qua quá trình nghiên cứu, các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai, hầu hết các vụ án đều được nhân dân đồng tình ủng hộ. Trong luận văn, tác giả đã bước đầu tiếp cận, khái quát, đưa ra có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn hoạt động định tội danh và QĐHP đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định tại Điều 104 BLHS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Khảo sát đánh giá tình hình diễn biến tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong thời gian qua cho thấy công tác giải quyết xét xử luôn được Tòa án nhân dân chú trọng quan tâm. Các vụ án đa phần không có kháng cáo, kháng nghị và có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Điều này cho thấy sự nỗ lực rất lớn từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Lạng Sơn trong việc khắc phục những khó khăn, điều kiện, hoàn cảnh khác nhau, đề ra những đường lối, xử lý phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn xét xử. Đây chính là căn cứ quan trọng để xây dựng nội dung, giải pháp nhằm hoàn thiện nâng cao chất lượng việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Để nghiên cứu và hoàn thiện luận văn “tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác tội theo quy định của pháp luật hình sự từ thực tiễn tỉnh Lạng Sơn” tác giả đã cố gắng sưu tầm tài liệu, tìm tòi nghiên cứu, vận dụng lý luận và thực tiễn. Những giải pháp được đề cập đến trong luận văn tương đối cụ thể, tuy chưa toàn diện nhưng là những vấn đề cơ bản có thể hoàn thiện hơn nữa các quy định tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác người giúp cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết án được nhanh hơn, hiệu quả hơn và không làm oan người vô tội cũng như không bỏ lọt tội phạm. Vì điều kiện khả năng có hạn nên đề tài còn nhiều khiếm khuyết mong sự đóng góp của các thầy cô và các đồng nghiệp để tác giả có điều kiện hoàn thiện đề tài tốt hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS Phạm Văn Beo (2008), *“Luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm”*, NXB Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, Tr.95-100.
2. Bộ Nội Vụ - Tổng Cục Cảnh sát, *“Tội phạm ở Việt Nam thực trạng, nguyên nhân và giải pháp”*, NXB Công an nhân dân 1994, Tr.179.
3. Bộ Luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, NXB Chính trị quốc gia, năm 2009. Tr.102-103
4. Bộ luật Tố tụng Hình sự, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2009.
5. Hiến Pháp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 1992, NXB Chính trị quốc gia, năm 2002, Tr.37.
6. Nguyễn Ngọc Hoà (1993), *“Quyết định hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam”*.
7. N.D. Hữu / Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 31, Số 2 (2015) Tr 20-28
8. Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 02/1988/NQ-HĐTP ngày 10/11/1988.
9. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, *Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 19/04/1989 hướng dẫn áp dụng bổ sung một số quy định của BLHS.*
10. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/08/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS năm 1999.*
11. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/04/2003 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS năm 1999.*
12. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (1999), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 15/02/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS năm 1999.*
13. Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 02/2003/NQHĐTP ngày 17/4/2003 của hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS.

14. Ths Tạ Quang Khải (2010), *“Bàn về các tội phạm có yếu tố gây thương tích và trường hợp từ chối giám định của người bị hại trong các vụ án hình sự”*, Tạp chí Kiểm sát, số tết 03 tháng 2/2010.
15. Liên Bộ Y tế, Bộ lao động- Thương binh- Xã hội, *Thông tư số 12/1995/TTLT ngày 26/7/1995 quy định về tiêu chuẩn thương tật và tiêu chuẩn bệnh tật mới*.
16. Dương Tuyết Miên (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội .
17. Một số bản án của TAND tỉnh Lạng Sơn.
18. Phạm Văn Phước (2015), *“Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam, từ thực tiễn tỉnh Ninh Thuận”* (Luận văn thạc sỹ Luật học, Học viện khoa học xã hội).
19. Phạm Hùng Phương (2015), *“Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo pháp luật hình sự Việt Nam, từ thực tiễn tỉnh Ninh Thuận”* (Luận văn thạc sỹ Luật học, Học viện khoa học xã hội)
20. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học BLHS phần các tội phạm*, NXB Tp Hồ chí Minh.
21. Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam , nghị quyết số 32/1999/NQ- UBTVQH10, ngày 21/12/1999.
22. Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội hà Nội
23. Toà án nhân dân tối cao, công văn số 140/KHXX, ngày 11/2/1998.
24. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn tỉnh Lạng Sơn, *Thông kê thụ lý và giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm, phúc thẩm*.
25. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
26. Đào Trí Úc (chủ biên)(1996), *Quyết định hình phạt trong Luật hình sự việt Nam, Tội phạm học, Luật hình sự, Luật TTHS*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội
27. Phùng Thế Vắc và Trần Văn Luyện, *Bình luận khoa học BLHS năm 1999 phần các tội phạm*, NXB Chính trị quốc gia.
28. GS, TS. Võ Khánh Vinh (1993), *Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội.

29. GS, TS. Võ Khánh Vinh (2003), “*thay đổi tội danh: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Tạp chí tòa án nhân dân, Số 12/2003.
30. GS, TS. Võ khánh Vinh (2003), lý luận chung về định tội danh, NXB Khoa học xã hội. tr 9 – 10.
31. GS, TS. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về tội danh*. NXB Khoa học xã hội.
32. GS, TS. Võ Khánh Vinh (2014) Luật hình sự Việt Nam: Phần chung, giáo trình sau đại học, NXB Khoa học xã hội Hà Nội.
33. GS, TS. Võ Khánh Vinh (2014) Luật hình sự Việt Nam: Phần các tội phạm cụ thể, giáo trình sau đại học, NXB Khoa học xã hội Hà Nội
34. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Báo cáo công tác kiểm sát bắt giữ, xét xử tội phạm cố ý gây thương tích 5 năm (2011 – 2015).

Trang Web:

35. <http://www.baomoi.com>
36. <http://www.tapchikiemsat.org.vn>
37. <http://baolangson>